

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LỊCH SỬ

TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
CỦA ĐẢNG BỘ XÃ THANH THUY

(1930 - 2000)

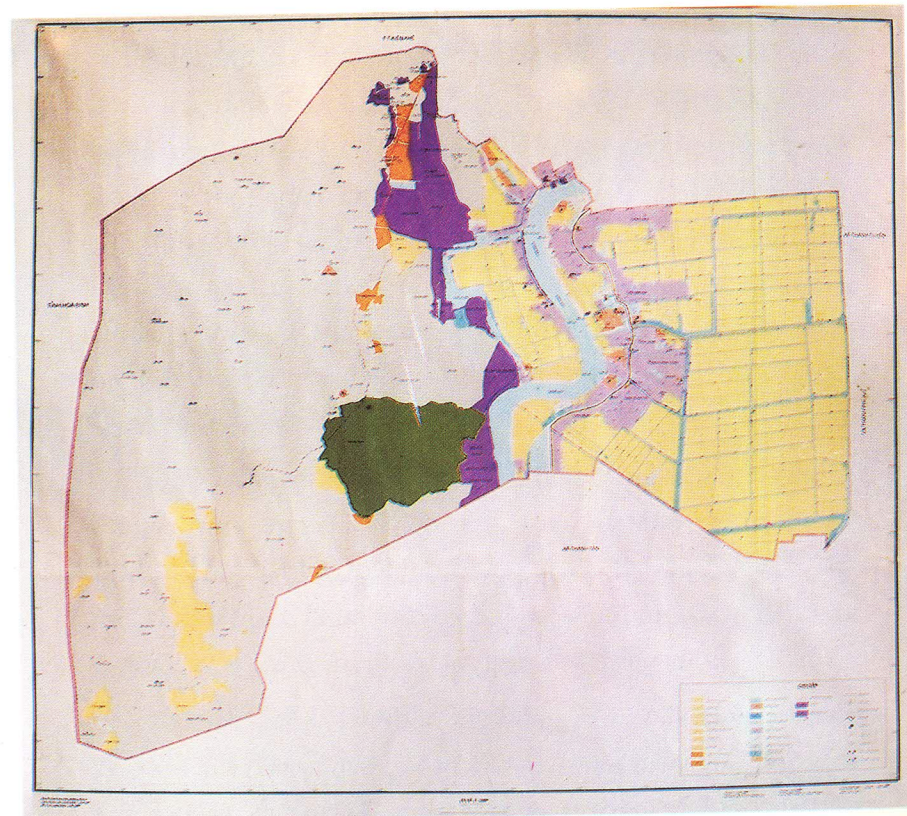
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ THANH THUY

5-2005

324.2597070959837

L 3025

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH XÃ THANH THỦY



THÀNH THỦY
HÀ NAM

ĐC: 373
THƯ VIỆN
TỈNH HÀ NAM

Lời giới thiệu

Chào mừng Đại hội lần thứ XXX (nhiệm kỳ 2005-2010) của Đảng bộ xã Thanh Thủy; tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, thực hiện Công văn số 87- CV/TU ngày 29/5/1999 và Thông tri số 27 TTTU, ngày 26/4/2004 của Ban thường vụ Tỉnh uỷ Hà Nam, Công văn số 92- CV/HU, ngày 10/5/2001 của Ban thường vụ Huyện uỷ Thanh Liêm và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Thanh Thủy lần thứ XXIX (nhiệm kỳ 2000-2005) về việc “Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn và xuất bản: Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ xã Thanh Thủy thời kỳ 1930-2000”.

Trải qua gần 60 năm, từ khi Chi bộ Đảng đầu tiên của xã Thanh Thủy được thành lập (11/1946) đến nay, Đảng bộ xã Thanh Thủy không ngừng lớn mạnh về mọi mặt. Ngày đầu mới thành lập Chi bộ mới có 5 đồng chí đảng viên, đến nay (năm 2005) Đảng bộ đã có tới gần 300 đảng viên.

70 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ và nhân dân xã Thanh Thủy đã trải qua quá trình đấu tranh cách mạng đầy gian khổ, hy sinh; khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng tháng 8/1945; kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm

lược; sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trải qua 25 năm (1975-2000) đã cho Thanh Thủy những bài học quý giá từ thực tiễn hoạt động của mình đó là: phải tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đảng biết đoàn kết tập hợp, cổ vũ phong trào cách mạng của quần chúng, phải có một tổ chức Đảng và đảng viên trung thành, gương mẫu, trong sạch, vững mạnh, phải biết chăm lo xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

Cuốn lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ xã Thanh Thủy, đã ghi lại và phản ánh phần nào những truyền thống đấu tranh cách mạng, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân Thanh Thủy từ khi có Đảng (1930) đến nay (2000). Nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ôn lại quá khứ vẻ vang của quê hương. Từ đó làm tăng thêm niềm tự hào, phấn khởi tin tưởng hơn nữa vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, càng yêu mến quê hương, đất nước.

Mặc dù ban sưu tầm, ban biên soạn đã có rất nhiều cố gắng nghiên cứu, sưu tầm tư liệu; song do nguồn tư liệu còn lại không nhiều, nhất là tư liệu thành văn, hơn nữa việc tái hiện lại cả một giai đoạn lịch sử phong phú sinh động của Đảng bộ và nhân dân xã Thanh Thủy là một việc làm khó, mặt khác trình độ của ban sưu tầm, biên soạn của Đảng bộ nhiều mặt còn hạn chế. Cuốn sách lịch sử truyền thống của Đảng bộ lần

đầu tiên ra mắt bạn đọc, chắc chắn không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Ban thường vụ Đảng uỷ và ban sưu tầm, biên soạn rất mong các đồng chí đảng viên, nhân dân trong xã và bạn đọc thông cảm.

Chúng tôi trân thành cảm ơn các đồng chí đảng viên và nhân dân trong xã, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt của xã qua các thời kỳ; cảm ơn Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ Hà Nam, Ban tuyên giáo Huyện uỷ Thanh Liêm đã giúp đỡ về chuyên môn, nghiệp vụ góp phần quan trọng làm cho cuốn lịch sử Đảng bộ đạt kết quả.

Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự góp ý, bổ xung của tất cả bạn đọc trong và ngoài xã để cuốn sách lịch sử của Đảng bộ xã Thanh Thủy khi tái bản đạt chất lượng tốt hơn

T/M BCH ĐẢNG BỘ XÃ THANH THỦY

BÍ THƯ

Phạm Đăng Diễm

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

MẤY NÉT KHÁI QUÁT VỀ XÃ THANH THUYẾT

Thanh Thuỷ là một xã miền núi nằm ở phía tây huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; có diện tích tự nhiên là 1.728,19 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 495 ha, diện tích đồi rừng là 885,31ha, còn lại là đất dân cư và sông nước. Phía tây của xã giáp huyện Lạc Thuỷ tỉnh Hoà Bình; phía đông giáp xã Thanh Phong, phía bắc giáp Thị trấn Kiện Khê, phía nam giáp xã Thanh Tân.

Chạy dọc theo xã từ Bắc xuống Nam có con sông Đáy chạy qua chia cắt địa hình xã thành hai miền: Đông đáy và Tây đáy. Phía Tây đáy có các thôn: Đồng Ao và khu dân cư Mỹ Tho; phía Đông đáy có các thôn: Bến, Đò, Đình Hậu, Lường, Ô Cách, Phượng Tường, Trung Thành, Trung Thứ. Dân số của xã Thanh Thuỷ đến năm 2000 có 6.965 người, trong đó trên 90 % theo đạo phật.

Thanh Thuỷ có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú như: Đá vôi có trữ lượng khoảng 12,4 triệu tấn; có

các núi Voi, núi Mỏ phượng, núi Mâm Xôi, núi Hạc, lại có hang dơi, hang Chuông – vừa là danh lam thắng cảnh, vừa ẩn chứa những tiềm năng kinh tế phong phú đa dạng, phong cảnh thật “Sơn thuỷ hữu tình”. Bên tây Đáy có làng Đồng Ao, thời Pháp thuộc – Giắc Guy ôm về đây lập đồn điền trồng Cà phê, trồng Trầu và Thầu dầu.... Chăn thả gia súc: bò, dê, ngựa, cừu. Phía nam làng Đồng Ao, xưa kia nhà tư sản Chu Văn Luận quê ở tỉnh Hà Tây về xây dựng ở đây lò sản xuất gạch ngói, lò vôi, lò sành sứ (ngôi nhà sàn của Bác Hồ trong khu Phủ Chủ tịch cũng lợp bằng loại ngói ngói này). Trước cách mạng tháng 8/1945, Thanh Thuỷ là một địa bàn hiểm có của Hà Nam đã hình thành tổ chức sản xuất và tiêu thụ theo phương thức tư bản chủ nghĩa, cả tư sản mại bản và tư sản dân tộc ở ngay quê hương mình. Đến năm 1943, tại Đồn điền Vũ Xá có nhà tư bản Pháp là Lavi xây dựng cơ sở sản xuất giấy, cuối năm 1944, Lavi đã lợi dụng dòng suối chảy, cho xây dựng một hệ thống máng nước chạy tước bin làm thủy điện nhỏ phục vụ sản xuất, sinh hoạt. Sau cách mạng tháng Tám 1945 Công binh xưởng Đội Cấn cho xây dựng xưởng sản xuất vũ khí phục vụ cuộc kháng chiến chống Pháp.

Thanh Thủy nằm trong vùng đất có từ lâu, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của làng xã Việt Nam, con người đã tụ hội sinh sống ở đây từ lâu đời. Là vùng đất giàu truyền thống anh hùng và cách mạng; nơi đây có Vũ cố Đại vương Thượng đẳng tôn thân- một vị tướng tài ba thời Nhà Lê; có Đông đạo Tiết chế Thân Quốc công Hữu Gián Đàn; là một trong những nơi đóng quân của Nhà Lê, Nhà Hồ, nghĩa quân Đinh Công Tráng...

Trước năm 1945 Thanh Thủy gồm có 4 xã: Ô Cách, Võ Giang, Trung Thứ và Phượng Tường. Ba xã: Ô Cách, Võ Giang, Trung Thứ thuộc tổng Hoà Ngãi. Còn Phượng Tường thuộc tổng Mỹ Xá. Đến tháng 03-1946, bốn xã hợp nhất lấy tên là Thanh Thủy. Tháng 10-1948, do yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, hai xã Thanh Thủy và Thanh Tĩnh (Thanh Tân ngày nay) hợp nhất lại lấy tên là xã Thanh Thủy. Cho đến tháng 4-1956, xã Thanh Thủy lại chia tách trở về 2 xã cũ là Thanh Thủy và Thanh Tân như ngày nay.

Tổ chức làng xã ở Thanh Thủy trong thời phong kiến, thực dân có một số bộ máy cai trị - gọi là hội đồng Kỳ

hào bao gồm có Lý trưởng, Phó lý, Chánh hội, Trưởng Ba, Trương Tuấn, Hộ lại...

Các thành phần trên bầu ra Lý trưởng, ngoài ra chế độ cũ còn cho phép người dân được mua chức sắc như: Phó lý, Hương lý, còn các chức sắc khác do ông Lý trưởng chỉ định. Các chức sắc trên dù được bầu, được mua hoặc được chỉ định đều phải tổ chức khao làng. Người mua chức phải nộp cho làng một khoản tiền theo chức mua do làng quy định và được dân làng gọi tên kèm theo chức mua, được tham gia bàn bạc công việc của làng và không phải làm các việc tạp dịch, ăn cỗ được ngồi mâm trên theo thứ bậc, hoặc khi lên chức, lên lão cũng phải khao làng... những tục lệ đó rất nghiêm ngặt, nhiều người vì hám danh (cái hư danh) mà phải bán cả trâu, bò, tài sản, cầm cố ruộng đất dẫn đến túng đói. Có người không đủ điều kiện kinh tế do phải làm khao nhiều kỳ, nên phải bỏ làng ra đi. Mỗi đình làng chia ra từ 2 đến 4 phe giáp (Đông, Tây, Nam, Bắc); trong mỗi phe giáp lại đặt ra các lệ như: cỗ nhắm, cỗ đặt xôi gà và xỉ lượt nhau làm. Ruộng công điền cấp theo chức tước, chức to cấp ruộng tốt và gần, còn ruộng xấu,

xa thì cấp cho trai làng và dân cùng đình, nhưng đều phải nộp thuế bằng nhau. Ruộng Lý trưởng được cấp 3 mẫu ruộng tháp Bút – thuộc loại ruộng tốt nhất trong làng.

Xưa kia, phong tục tập quán, đời sống văn hoá ở nông thôn Việt Nam nói chung và ở Thanh Thủy nói riêng còn rất lạc hậu. Người có chức, kẻ có quyền có thể được lấy nhiều vợ, được ăn trên ngồi chốc, hôn nhân lộn xộn, con gái bị ép duyên, gả bán, phụ nữ bị khinh rẻ. Nhân dân Thanh Thủy phải gánh chịu nhiều khó khăn vất vả, nhất là nhân dân trong vùng Tây đáy. Ở đây, đường xá, giao thông đi lại khó khăn phải dùng thuyền. Hàng năm vào mùa mưa lũ, nước trên núi đổ xuống, nước sông Đáy dâng cao làm cho đường xá, đồng ruộng làng xóm ngập trong nước. Người nông dân Thanh Thủy chỉ cấy được một vụ chiêm nhưng cũng bấp bênh, nhân dân nghèo túng.

Nhân dân Thanh Thủy sống chủ yếu bằng nghề nông với sản phẩm chủ yếu là lúa, ngô, khoai và phát triển chăn nuôi gia đình như: lợn, gà, trâu, bò, dê... Dưới thời thuộc Pháp một số gia đình đi làm thuê cho tư sản Chu Văn Luận, một số làm nghề khai thác đá, đốn củi than, chài lưới trên sông để kiếm sống.

Trước cách mạng Tháng 8/1945, phần lớn đất đai nằm trong tay bọn địa chủ, phú nông (1) riêng khu đồn điền của tư sản Chu Văn Luận đã chiếm hàng trăm ha đồi núi để lập cơ sở sản xuất voi, đá, gạch, ngói, lò sứ... ở đây chúng áp đặt phương thức bóc lột tư bản chủ nghĩa, làm cho người nông dân xã Thanh Thủy đã bán cùng lại càng bán cùng hoá hơn và nhiều người đã trở thành công nhân tá điền cho tư sản bản xứ. Bọn địa chủ cấu kết chặt với đế quốc, cột chặt người nông dân vào mảnh đất của họ bị chúng chiếm để bóc lột sức lao động và chiếm đoạt những sản phẩm do họ làm ra: vì sưu cao, thuế nặng, cuộc sống đói khổ, nên hàng năm người dân phải bỏ làng tha phương kiếm sống, nhiều gia đình bị tan nát vợ chồng, cha con li tán, một số người bị chết đói, có gia đình chết tới 5 người, tiếp đến là nạn dịch tả hoành hành làm chết nhiều người, tới đến không ai dám ra đường, nhà nào cũng đốt một đồng dấm để mong xua tan không khí u ám của dịch bệnh.

Về văn hoá - xã hội, chúng thực hiện chính sách ngu dân, trước cách mạng tháng 8/1945, có trên 95%

(1) Trước cách mạng tháng 8/1945, toàn xã có 8 địa chủ: làng Đặng 2, làng Lương 2, làng Ô Cách 2, làng Võ Giang 2

dân số không biết chữ, cả 4 xã ở Thanh Thủy xưa kia chỉ có một vài lớp học chữ nho tại gia do ông đồ nho mở lớp dạy tại nhà. Những năm 20, 30 của thế kỷ XX, cả bốn, năm làng chỉ có hai trường Hương học, mỗi trường do một Hương Sư dạy. Trường Hương học có 3 lớp: lớp đồng ấu (lớp 1), lớp dự bị (lớp 2), lớp sơ đẳng (lớp 3). Học hết lớp sơ đẳng thì được dự một kỳ thi tốt nghiệp lấy bằng sơ học yếu lược. Thầy Hương Sư dạy cả 3 lớp, khoảng ba chục học sinh. Riêng lớp sơ đẳng thì năm có, năm không. Đến cách mạng tháng 8/1945, số người có bằng sơ học mới có dăm người.

Trải qua nhiều thế kỷ, người dân Thanh Thủy đã để lại cho hậu thế một số di sản văn hoá quý như: các kiểu kiến trúc đình, chùa có trạm khắc cầu kỳ, lộng lẫy, đặc biệt là ngôi Đình Lường nổi tiếng về quy mô và kiểu dáng, to đẹp nhất trong vùng (đã bị phá huỷ do chiến tranh) ngày nay còn lại đình Ô Cách được công nhận di tích văn hoá cấp Quốc gia. Lễ hội truyền thống được tổ chức vào rằm tháng hai hàng năm. Nhân dân trong xã tổ chức rước kiệu, đua thuyền, bơi chải để tưởng nhớ Vũ Cối Đại vương thượng đẳng tôn thần, một tướng tài thời

Nhà Lê. Hội đua thuyền Thanh Thủy còn mang dấu tích của tín ngưỡng cổ xưa là tục thờ nước, cầu nước. Rồi lễ hội rằm tháng ba ở thôn Phượng Tường để tưởng nhớ Đông đạo tiết chế thần quốc công Hữu Gián Đoàn người có công giúp vua đánh giặc. Xã Thanh Thủy thuộc vùng nổi tiếng hát chèo tiêu biểu là chi họ ông Hai Duyên, ông Ba Hoán ở làng Lường. Nghệ sỹ nhân dân hát chèo nổi tiếng là bà Bạch Trà ở xóm lẻ (Kiện Khê) là người gốc ở thôn Lường, dòng dõi bà Bạch Trà còn có nghệ sỹ chèo Ngọc Viễn, Lâm Bằng.

Nhân dân Thanh Thủy phần lớn theo tín ngưỡng đạo phật. Các đình, đền, chùa ở các thôn đều thờ các vị tiền nhân – những người có công với đất nước được vua ban quốc tích như: Đình làng Trưng Thứ, Ao Cá, Lường, Ô Cách thờ Vũ Cối Đại Vương – người có công giúp Lê Lợi đánh giặc Minh. Đình làng Phượng Tường thờ Đông Đạo tiết chế thần Quốc Công Hữu Gián Đoàn. Thôn Ô Cách có đền vua Bà - thờ phu nhân Hồ Quý Ly (có tên gọi là Nguyễn Thị Dâm). Cả vùng núi Hạc, Đông Ao, cùng với các thung Vọng Cắm, Thung Các. Trước đây đã từng được Hồ Quý Ly đắp Thành quách làm nơi cất dấu kho báu,

nơi luyện binh. Còn Vũ Cố đã chọn nơi đây làm đại bản doanh, căn cứ chống giặc Minh. Tướng Lê Triệu, sau chiến thắng tốt động – chúc Động (1462) đã đưa quân về đây đồn trú. Rồi Lê Lợi, Nguyễn Trãi cũng đã tới đây bàn kế lược cho trận đánh cuối cùng và giành thắng lợi sau 10 năm chiến đấu.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Công binh xưởng Đội Cấn đã về đây để xây dựng xưởng sản xuất vũ khí phục vụ kháng chiến; Thanh Thủy còn là nơi sơ tán, đóng quân của nhiều cơ quan, đơn vị khác như: Nhà máy xi măng 3/2, Nhà máy dệt B6 (Nhà máy dệt Nam Định sau này), Xưởng gỗ Vạn Thắng, Trung đoàn 19- Quân khu III...

Là một vùng đất có truyền thống lịch sử, văn hoá lâu đời, người dân cần cù, thông minh, sáng tạo, giàu lòng yêu nước. Từ khi có Đảng cộng sản lãnh đạo thì tinh thần ấy lại càng được khơi dậy mạnh mẽ, trong các cuộc kháng chiến vệ quốc, chống quân xâm lược, nhân dân Thanh Thủy không phân biệt già trẻ, gái trai, lương giáo, đã đoàn kết một lòng, kiên cường, bất khuất,



Đền Thượng Nhì (Thờ Vũ Cố Đại vương)



Đình Ô Cách (Di tích văn hóa cấp Quốc gia)

anh dũng chống quân xâm lược, giành lại hoà bình, độc lập cho quê hương; đã có biết bao người con của quê hương đã anh dũng hy sinh trên khắp các chiến trường, biết bao người chiến sỹ cách mạng đã hiến dâng một phần xương máu cho cuộc chiến đấu anh dũng, vẻ vang của dân tộc trong đó tiêu biểu như anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Khúc Văn Lượng.

Phát huy truyền thống của quê hương, trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng bộ và nhân dân Thanh Thủy lại tiếp tục nêu cao tinh thần đoàn kết, sáng tạo chung tay, góp sức xây dựng xã Thanh Thủy ngày càng giàu đẹp, văn minh. Cả chặng đường với biết bao hy sinh, gian khổ nhưng đầy tự hào, thắng lợi vẻ vang. Để có được những thành quả như ngày nay là sự phấn đấu không mệt mỏi, kiên cường, bất khuất của các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Thanh Thủy dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lịch sử đấu tranh cách mạng 70 mươi năm qua, mãi mãi là niềm tự hào, niềm tin, ý chí sắt đá của Đảng bộ và nhân dân xã Thanh Thủy hôm nay và mai sau.

CHƯƠNG I

QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN XÃ THANH THUYẾT TỪ TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG 8/1945

Kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam, nhân dân Thanh Thuỷ ngay từ những ngày đầu đã tham gia các cuộc khởi binh chống xâm lược từ thời Lê, Trần, tham gia xây dựng các thành quách thời Hồ Quý Ly. Thanh Thuỷ có ông Vũ Cố (1395-1446) mộ quân, lập trại theo vua Lê đánh quân Minh bảo vệ bờ cõi. Thời kỳ Pháp xâm lược Việt Nam, các cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược của nhân dân Thanh Liêm nói chung và nhân dân Thanh Thuỷ nói riêng, trong đó có một số người theo nghĩa quân. Còn các hào lý thì vận động nhân dân góp tiền, của, lương thực, thực phẩm, vũ khí nuôi nghĩa quân. Chiếc cổng ngôi làng Trung Thứ là nơi để nghĩa quân canh gác, bảo vệ làng. Mỗi

đến thời kỳ chống Pháp 1954, cổng làng vẫn còn dùng làm chốt để rào làng kháng chiến. Cuộc đình công, bãi công của công nhân lao động đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm tại xí nghiệp gạch ngói của tư sản Chu Văn Luận do ông Tài Chúc đứng lên lãnh đạo. Cuộc đấu tranh tuy qui mô nhỏ nhưng đã gây ảnh hưởng rộng khắp trong nhân dân.

Từ khi người Pháp về Vũ Xá mở đồn điền trồng cà phê và Chu Văn Luận mở lò gạch ngói, từ đó giai cấp công nhân ở Thanh Liêm được hình thành. Đội ngũ công nhân Thanh Liêm vốn xuất thân từ nông dân mà ra, lao động theo phương thức thủ công lạc hậu. Phần đông công nhân là phu đồn điền, làm gạch ngói, nung vôi. Số lượng công nhân có lúc lên tới 800 ngàn người, trong đó có số ít người dân xã Thanh Thuỷ được tuyển nhận vào làm ở đây. Rồi tại cánh đồng Mả Rụt ở phía đông thôn Trung Thứ, nơi diễn ra trận chiến giữa nghĩa quân Đinh Công Tráng với lính Pháp. Trận đánh đó quân Pháp bị thiệt hại nặng. Sau đó Pháp đã cho quân đội và sử dụng bè lũ tay sai đến làm cỏ cả làng (dân làng chết gần hết) và đem xác chôn tại cánh đồng ngay đó (từ đó dân làng quen gọi là cánh đồng Mả Rụt).

Với chính sách cai trị hà khắc cuộc sống người dân rất khổ cực. Vốn thiết tha với độc lập tự do, nhân dân Thanh Thủy sẵn sàng đoàn kết đồng lòng đánh đuổi kẻ thù xâm lược giải phóng quê hương đất nước, sẵn sàng đi theo cách mạng.

Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Đảng ra đời, chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối, là điều kiện cơ bản quyết định những thắng lợi oanh liệt và những bước nhảy vọt lớn của lịch sử dân tộc trong những năm sau này.

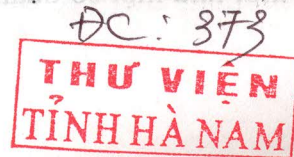
Tháng 5/1930, Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Thanh Liêm được thành lập. Từ đây ảnh hưởng của Đảng và các phong trào cách mạng đã đến với nhân dân Thanh Thủy. Nhân dân tin theo Đảng, tích cực hưởng ứng và ủng hộ các cuộc vận động cách mạng của Đảng như: ủng hộ phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930-1931), ủng hộ phong trào khởi nghĩa của nông dân Tiền Hải – Thái Bình, nông dân xã Bồ Đề – Bình Lục.

Ở huyện Thanh Liêm trong thời gian này, phong trào cách mạng đã phát triển và lan rộng ra nhiều nơi trong

huyện. Thông qua các hội đoàn như: hội tương tế, hội ái hữu, hội hoa đăng... để thu hút tập hợp lực lượng quần chúng. Quần chúng cách mạng được Đảng tập hợp và giác ngộ nên hình thức đấu tranh với bọn địa chủ, cường hào, chống áp bức bóc lột sưu cao, thuế nặng cũng phong phú và quy mô rộng hơn. Cờ búa liềm được bí mật treo ở cổng làng, cổng đình, các cây cổ thụ lớn trong xã. Nhân dân lúc đầu chưa hiểu rõ về việc căng cờ búa liềm, cá biệt có người hoang mang, dao động. Qua quá trình tuyên truyền vận động, có một số ít người dân đã rõ đó là cờ đỏ búa liềm của Đảng Cộng Sản Việt Nam dẫn đường chỉ lối, nhưng cũng chỉ là kín đáo trong một số các cụ đồ làng và những người có học.

Cả thời kỳ 1930 – 1945, ở Thanh Thủy chưa có tổ chức Đảng trực tiếp lãnh đạo, mà chủ yếu là sự hoạt động của những đảng viên ở các nơi khác đến để tuyên truyền vận động xây dựng phong trào cách mạng.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương, ở Thanh Liêm, Giác Guy Ôm và La Vy bỏ đồn điền ở Vũ Xá để chạy chốn. Nhật về chiếm đóng ở đây một thời gian, phá bỏ toàn bộ cơ sở sản xuất, bắt nhân dân địa



phương tiếp tục trồng đay, cà phê cho Nhật. Phát xít Nhật, bắt nhân dân phải chặt ngô đang có bắp non để trồng đay phục vụ cho hậu cần chiến tranh của chúng. Vì quyền lợi sống còn, nhân dân Thanh Thủy cùng với nhân dân một số xã trong vùng đấu tranh rất mãnh liệt. Tuy nhiên sự đấu tranh ấy mới chỉ là những hành động riêng lẻ, tự phát, có áp bức, có đấu tranh. Phong trào đấu tranh ở địa phương lúc đó chưa có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng. Ông Lý Hạ và Ông Lý Tính bị bọn Nhật trói đánh vì không thực hiện được chỉ tiêu phá ngô trồng đay do chúng giao.

Ngày 15/8/1945 ở Đông Âu, phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện. Biết nguy cơ bị thất bại trước sự tấn công như vũ bão của Đồng Minh. Phát xít Nhật tiến hành xây dựng kho tàng hậu cần. Chúng lùng tìm các hang động ở các triền núi của Thanh Thủy, bắt nhân dân đi phu làm đường giao thông lên núi vào các hang động, vận chuyển vũ khí, đạn dược, lương thực xây pháo đài, ụ súng chuẩn bị đối phó với chiến tranh.

Ở trong xã, lúc này tình hình chính trị, xã hội có những động thái mới như một số thanh niên và một số

người đi phu về tùm năm, tùm ba nói, bàn luận về chiến tranh giữa Đồng Minh với Nhật; Nhật sắp thua và hoạt động của Việt Minh chống Nhật; về ông Nguyễn ái Quốc về nước hoạt động; tin Việt Minh khắp nơi trong tỉnh, trong huyện nổi lên chống Nhật, cứu nước. Các hoạt động treo cờ búa liềm, rải truyền đơn của các cán bộ Việt Minh kêu gọi nhân dân chống Nhật. Đấu tranh trấn áp Chánh tổng, Lý trưởng – kẻ làm tay sai cho địch, vận động nhân dân không nộp thuế, nộp thóc cho chúng. Tất cả việc làm trên đã tác động, thức tỉnh ý thức cách mạng của một số quần chúng nhất là tầng lớp thanh niên.

Thời gian này ở Thanh Thủy chưa có tổ chức Đảng, chưa có cán bộ Việt Minh trực tiếp để lãnh đạo giác ngộ cách mạng và tổ chức quần chúng, mà chủ yếu do một số thanh niên đã tự giác tổ chức lực lượng kéo sang đồn điền Vũ Xá làm nhiệm vụ bảo vệ cơ sở, tài sản mà trước đây địch làm kho để chờ Việt Minh về tiếp quản.

Bọn Kỳ Hào, Hương Lý trong xã hoang mang, dao động vừa sợ giặc Nhật và bọn tay sai đàn áp, đe dọa, vừa sợ Việt Minh nổi dậy tấn công.

Mãi cho đến ngày 10/7/1945, ông Hoàng Thu là cán bộ Việt Minh tỉnh Hà Nam về xã, tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho một số thanh niên về chủ nghĩa Mác Lê Nin, đường lối và chủ chương kháng Nhật của Đảng ta, tuyên truyền nêu cao lòng căm thù giặc Pháp, Nhật cho thanh niên, vận động thanh niên tự giác, tự nguyện tham gia vào các tổ chức cách mạng của Đảng.

Qua một thời gian hoạt động, vận động của cán bộ Việt Minh, cộng với lòng yêu nước sẵn có của một số thanh niên sớm giác ngộ cách mạng, nên họ đã hoạt động rất hăng hái.

Theo sự chỉ đạo ban cán sự Đảng huyện Thanh Liêm, tiểu khu 4 gồm các xã: Thanh Thủy, Thanh Tĩnh, Thanh Lâm, Thanh Tuyên do đồng chí Hoàng Thu phụ trách (ở Thanh Thủy sau này còn có các đồng chí Nguyễn Huân, Nguyễn Văn Đường, Nguyễn Văn Sinh về hoạt động tại xã) Từ đây Thanh Thủy và một số xã trong vùng Tây đày đã có Đảng trực tiếp lãnh đạo nhân dân tích cực chống sưu thuế, không cho địch vơ vét thóc gạo của nhân dân mang đi nơi khác. Dưới sự lãnh đạo của cán bộ cách mạng. Đội tự vệ xung kích đến nhà Lý Trường tịch thu

toàn bộ số tiền, thóc để trả lại cho dân mà chúng đã thu, rồi lợi dụng khi áp tải thuyền lúa thuế không đem nộp cho Lý Trường mà cho đi cất dấu làm quỹ kháng chiến ở cơ sở.

Ngày 15/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng Minh, ngày 19/8/1945 khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội đã ảnh hưởng, lan rộng khắp cả nước.

Ở Hà Nam cuộc khởi nghĩa diễn ra nhanh gọn trong 5 ngày từ ngày 20/8 đến 24/8/1945. Khí thế cách mạng lan rộng khắp trong vùng, bộ máy chính quyền tay sai ở các địa phương trong tỉnh, huyện, xã đều rệu rã, hoảng sợ.

Từ ngày 19/8/1945, khắp nơi trong huyện náo nức chuẩn bị vũ khí, lương thực, cờ biểu, khẩu hiệu, đồng thời chuẩn bị cả về tư tưởng và tổ chức cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở cơ sở. Cán bộ Việt Minh huyện cùng với đội tự vệ xã và một số thanh niên ngày đêm tuần tra canh gác, giám sát chặt chẽ bọn phản động, hào lý trong xã, tất cả trong tư thế chờ lệnh. Tại Thượng Thổ, ban cán bộ Việt Minh họp kiểm điểm tình hình mọi mặt và quyết định khởi nghĩa vào ngày 24/8/1945 để cùng phối hợp với khởi nghĩa giành chính quyền tỉnh ở

thị xã Phủ Lý. Khoảng 9 giờ ngày 23/8/1945, lệnh tổng khởi nghĩa đã truyền đến xã Thanh Thủy. Ngay đêm đó, đội tự vệ và một số thanh niên khẩn trương chuẩn bị vũ khí, gậy, giáo mác, cờ biển và tổ chức lực lượng để đi tham gia biểu tình giành chính quyền ở thị xã Phủ Lý.

Mờ sáng ngày 24/8/1945, lực lượng đã tập hợp thành một đoàn chỉnh tề phối hợp với các xã bạn: Thanh Tĩnh, Kiện Khê tiến quân về thị xã Phủ Lý dự mít tinh. Tới thị xã Phủ Lý đoàn biểu tình của tỉnh đã nhanh chóng bao vây trại bảo an và dinh Tỉnh trưởng, bắt Tỉnh trưởng Đàm Duy Huyền nộp ấn tỉnh và sổ sách cho đại diện uỷ ban quân sự cách mạng. Đồng thời uỷ ban quân sự cách mạng tuyên bố giải tán bộ máy thống trị cũ.

Sau khi lực lượng cách mạng chiếm được thị xã Phủ Lý, bọn ngụy quyền ở Thanh Liêm khiếp nhược, vội vã đầu hàng.

10 giờ sáng cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại sân vận động thị xã Phủ Lý để chào mừng cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Tại đây, Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời của tỉnh được thành lập. Mọi chính sách của mặt trận

Việt Minh được công bố trước nhân dân. Cuộc mít tinh đã biến thành cuộc biểu tình hành quân lớn, đem theo khí thế chiến thắng đã toả về các địa phương trong toàn tỉnh. Nhân dân khắp nơi náo nức phấn khởi mừng vui khôn xiết. Trong các thôn xóm cờ đỏ búa liềm tung bay chào đón thắng lợi.

Sau khi giành được chính quyền cách mạng ở tỉnh, ở huyện, ngay chiều ngày 24/8/1945, tổ Việt Minh, đội tự vệ thanh niên đã đến tận nhà Chánh Tổng, Lý Trưởng của xã Thanh Thủy tịch thu giấy tờ, sổ sách và đồng triện (con dấu)... trước thắng lợi đó, nhân dân trong xã rất vui mừng phấn khởi.

Cuộc cách mạng Tháng 8/1945 ở Hà Nam đã diễn ra nhanh gọn, chỉ trong vòng 5 ngày (từ 20 đến 24/8/1945) toàn bộ chính quyền địch từ tỉnh đến cơ sở bị sụp đổ hoàn toàn. Từ cuối tháng 8/1945, cán bộ Việt Minh của huyện cử về xã cùng với lực lượng nông cốt ở địa phương tuyên bố giải tán bộ máy tay sai của chính quyền cũ, thành lập Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời các xã. Ở xã Ô Cách ông Nguyễn Văn Hàn được cử làm chủ tịch xã, ở xã Võ Giang, ông Lê Văn Thản làm chủ tịch, ở

Phượng Tường ông Nguyễn Văn Thi làm Chủ tịch, ở Trung Thứ ông Trần Hữu Thuyết làm chủ tịch.

Nhìn chung cuộc bầu cử chính quyền cách mạng lâm thời ở các xã rất thuận lợi, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Tuy nhiên thành phần tham gia vào Ủy ban lâm thời không thuần nhất còn có một số hào lý nhảy vào sau này khi bầu lại Ủy ban hành chính quần chúng mới gạt loại ra được.

Do thực hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng ta, những người đã tham gia trong chính quyền tay sai cho Pháp, Nhật không bị cách mạng ta xử lý hoặc phân biệt đối xử, nên họ ân huệ và cảm ơn. Chính quyền cách mạng lâm thời được thành lập đã tuyên bố xoá bỏ thuế thân và các loại thuế vô lý khác, ban bố quyền tự do bình đẳng nam, nữ, đoàn kết lương giáo, ban bố một số chủ trương cấp bách như: tịch thu, trưng thu thóc của bọn việt gian phản động chia cho dân nghèo, vận động nhân dân tăng gia sản xuất, tích cực trồng rau màu chống đói, đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, lương giáo, đoàn kết.

Cách mạng Tháng 8/1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời. Nhân dân ta đã thoát khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, giành lại độc lập tự do cho nhân dân.

Chúng ta đã giành chính quyền cách mạng về tay nhân dân lao động. Kết quả đó là do Đảng ta và Bác Hồ đã lãnh đạo tài tình, sáng suốt, biết chớp thời cơ, vận động phong trào quần chúng. Đồng thời còn là kết quả của sức mạnh toàn dân, tinh thần yêu nước, yêu quê hương của các tầng lớp nhân dân lao động Hà Nam, cán bộ và nhân dân xã Thanh Thủy rất tự hào đã đóng góp một phần nhỏ bé cho sự nghiệp vĩ đại đó.

CHƯƠNG II

CHI BỘ ĐẢNG THANH THỦY RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (TỪ 9/1945 ĐẾN 7/1954)

I- Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng; thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của xã (từ 9/1945 đến 12/1946).

Cách mạng tháng 8/1945 thành công, Chính quyền cách mạng lâm thời ra đời có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất, khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng Chính quyền. Vừa mới ra đời Chính quyền cách mạng ở cơ sở còn non trẻ, chưa có kinh nghiệm trong quản lý xã hội, nhưng đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn to lớn. Nạn lụt do vỡ đê Đám làm mất mùa, sau lũ lụt lại xảy ra hạn hán làm cho phần lớn diện tích cấy lúa bị hoang hoá.

Rồi nạn đói khủng khiếp đầu năm 1945 và tiếp tục còn kéo dài.

Ngày 25/8/1945, chi bộ tiểu khu 4 về các xã xây dựng lực lượng tự vệ cứu quốc bao gồm:

- Ở xã Võ Giang có 18 người tham gia, do ông Hiến làm Tổ trưởng

- Ở xã Ô Cách có 14 người tham gia, do ông Đăng làm Tổ trưởng

- Ở xã Trung Thứ có 14 người tham gia, do ông Kiên làm Tổ trưởng

- Ở xã Phụng Tường có 5 người tham gia, do ông Hằng làm Tổ trưởng

Tổ tự vệ các xã đã vận động những người đi lính cho Pháp đã về địa phương ra dạy võ, luyện tập quân sự giúp lực lượng ta như: ông Bình Nhân ở Lường, ông Bình Ngọ ở Phụng Tường, ông Bình Đá, ông Bình Trung ở Trung Thứ, ông Bình Vượng ở Đồng Ao, ông Bình Thủy ở Đình Hậu...

Tổ chức các đoàn thể chính trị cũng được thành lập làm hậu thuẫn cho chính quyền cách mạng. Chỉ trong

một thời gian ngắn, các đoàn thể thanh niên cứu quốc, hội nông dân cứu quốc, hội phụ nữ cứu quốc, hội phụ lão cứu quốc... được phát triển mạnh mẽ. Tổ chức hội Phật giáo cứu quốc, công giáo cứu quốc cũng được tổ chức rộng rãi. Ở Thanh Thủy thời gian này có tổ chức Đảng dân chủ khoảng hơn 10 đảng viên do ông Lý Chúc làm Bí thư, ông Lý Khơm làm phó Bí thư. Đảng dân chủ tuy chưa lộ mặt phản động, nhưng họ ngầm ngầm cấu kết với thực dân Pháp chống phá cách mạng nước ta, gây khó khăn cho Chính quyền non trẻ ở địa phương.

Chính quyền huyện về tiếp quản đồn điền Vũ Xá, tịch thu ruộng đất của bọn tay sai, địa chủ chia cho dân nghèo. Xã Phượng Tường chia từ 0,5 mẫu đến 1 mẫu ruộng cấy cho một suất đinh. Xã Võ Giang 1,2 mẫu trên một suất đinh. Xã Trung Thứ 1,2 mẫu, xã Ô Cách 0,3 mẫu trên một suất đinh và quy định cứ 3 năm chia lại một lần gọi là quân cấp công điền, thực hiện giảm thuế điền thổ xuống 20% và miễn thuế cho vùng bị thiên tai. Chính quyền các xã đã bắt tay ngay vào phong trào chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm.

Phong trào chống đói, chính quyền đã vận động nhân dân tranh thủ cấy hết diện tích không để hoang hoá, nhưng còn diện tích đất đồi rừng, đất vườn các gia đình nông dân chưa tận dụng triệt để còn để hoang phí, đồng thời vận động nhân dân không nấu rượu, uống rượu.

Phong trào chống giặc dốt được triển khai rầm rộ, nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng, nhất là thanh niên và tầng lớp trung niên. Các thôn đều mở lớp văn hoá, với phương châm người biết chữ dạy người không biết chữ, chồng dạy vợ, em dạy anh, con dạy bố mẹ... đêm đến trong làng rộn rã tiếng gọi nhau đi học. Các nơi công cộng, cổng chợ, cổng làng, lối đi lại được viết chữ trên các nong, nia, cót... để mọi người có thể học ở mọi nơi, mọi chỗ.

Phong trào chống giặc ngoại xâm, cũng được phát động mạnh mẽ, thanh niên tầng lớp trung niên tình nguyện ra nhập dân quân, du kích. Phong trào luyện tập quân sự được duy trì thường xuyên. Vũ khí thô sơ như súng gỗ, gậy, kiếm, mã tấu được trang bị đầy đủ cho mỗi đội viên. Tổ thợ rèn ở chợ Lường làm nhiệm vụ rèn vũ khí để phục vụ kháng chiến.

Ngày 8/9/1945, Hồ Chủ tịch ra Sắc lệnh tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc Hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Ngày 6/1/1946 cuộc bầu cử quốc hội được tiến hành thống nhất trong cả nước.

Theo sự chỉ đạo của Đảng bộ Thanh Liêm, các Chi bộ triển khai mở đợt tuyên truyền vận động toàn dân tham gia bầu cử Quốc Hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Nhân dân trong huyện Thanh Liêm nói chung, cũng như nhân dân trong xã Thanh Thủy nói riêng hân hoan phấn khởi đón mừng ngày hội lớn của dân tộc, hơn 90% cử tri trong xã tham gia bầu cử. Cuộc bầu cử diễn ra an toàn, thuận lợi. Hội đồng nhân dân liên xã Thanh Thủy có 21 đại biểu. Theo sự chỉ đạo của cấp trên, Hội đồng nhân dân liên xã Thanh Thủy họp khoá đầu tiên đã bầu ra Ủy ban hành chính liên xã Thanh Thủy gồm 6 người do ông Lê Văn Thản làm chủ tịch, ông Nguyễn Văn Quảng làm phó chủ tịch, ông Nguyễn Văn Tiêu làm uỷ viên thư ký, ông Vũ Như Kính uỷ viên giáo dục, ông Trần Văn Chất uỷ viên tuyên truyền và ông Trần Văn Phái uỷ viên thủ quỹ. Trước tình hình khẩn trương chuẩn bị cho cuộc kháng chiến toàn quốc trên có chủ

trương chuyển Ủy ban hành chính liên xã thành Ủy ban hành chính kiêm kháng chiến và Hội đồng nhân dân xã bầu bổ sung ông Trần Văn Uy làm làm uỷ viên quân sự; sau khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Ủy ban hành chính kiêm kháng chiến đổi thành Ủy ban kháng chiến hành chính xã.

Với khí thế cách mạng sục sôi, lúc này chính quyền xã tích cực lãnh đạo nhân dân thực hiện 3 phong trào lớn của Chính phủ phát động là diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm; phong trào này đã lan rộng đến các thôn xóm; phong trào bình dân học vụ được phát động, các đình, chùa của xã đều trở thành các lớp bình dân học vụ. Thôn Phượng Tường là thôn đầu tiên được công nhận thanh toán nạn mù chữ vào giữa năm 1947, được Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Hà Nam tặng bằng khen và lá cờ “Làng hiếu học”.

Cùng với việc xây dựng, củng cố chính quyền, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang tiến hành khẩn trương, nhằm để bảo vệ thành quả cách mạng Tháng Tám. Theo sự chỉ đạo của huyện lực lượng tự vệ của xã được kiện

toàn lại. Ở các thôn thành lập các trung đội dân quân du kích để làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự trị an, trấn áp phản động, bảo vệ chính quyền, đồng thời chuẩn bị điều kiện cho việc thành lập 3 thứ quân trong kháng chiến chống thực dân Pháp sau này

Năm 1946, đồng chí Hoàng Thu là cán bộ của Huyện uỷ về trực tiếp chỉ đạo phong trào và tuyên truyền kết nạp Đảng; 5 đồng chí được giới thiệu kết nạp vào Đảng gồm: đồng chí Trần Phú Thái, đồng chí Lê Duy Tư, đồng chí Lê Duy Từ, đồng chí Nguyễn Văn Tiêu (tức Thanh Vân) và đồng chí Cao Đức Hộ. Lễ kết nạp do Huyện uỷ Thanh Liêm tổ chức vào khoảng 20h, ngày 6/11/1946 nhân dịp kỷ niệm cách mạng tháng Mười Nga thành công tại một cánh đồng thôn Nham Tràng thuộc xã Thanh Nghị (theo nghi thức bí mật). Tối ngày 7/11/1946 tại nhà ông Nguyễn Văn Sửu thôn Phượng Tường, đồng chí Hoàng Thu thay mặt Huyện uỷ Thanh Liêm chủ trì cuộc họp tuyên bố thành lập chi bộ xã Thanh Thủy và chỉ định đồng chí Trần Phú Thái làm bí thư Chi bộ Đảng đầu tiên của xã.



*Nhà ông Nguyễn Văn Sửu: (Thôn Phượng Tường)
(Nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của xã Thanh Thủy 11/1946)*

Từ đây phong trào cách mạng của Thanh Thủy đã có tổ chức Đảng lãnh đạo do đó, nhân dân trong xã phấn khởi tin tưởng vào vai trò của những đảng viên và sự lãnh đạo của Chi bộ.

Chi bộ Đảng đã tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

- Xây dựng củng cố tổ chức Đảng và phát triển đảng viên.

- Củng cố Chính quyền.

- Lãnh đạo các tổ chức quần chúng tham gia kháng chiến, củng cố mặt trận Việt Minh).

Chi bộ Đảng ra đời là tiền đề quan trọng lãnh đạo nhân dân bước vào thời kỳ cách mạng mới đây hy sinh gian khổ- thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược. Chi bộ Đảng của xã vừa mới ra đời thì cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, trước tình hình đó Chi bộ đã tập trung lãnh đạo Chính quyền, nhân dân khẩn trương chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu như: rào làng kháng chiến, đào đắp ụ chống xe cơ giới của địch, cắm tròng chống quân nhảy dù, đi dân công phục vụ tiền tuyến...

II- Chi bộ Đảng lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp (từ 1/1947 đến 7/1954).

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, đến tháng 2/1947, Đảng bộ huyện Thanh Liêm tiến hành Đại hội (tại thôn Thong xã Thanh Tâm), đề ra chủ trương lãnh đạo nhân dân xây dựng mọi mặt để chuẩn bị kháng chiến. Theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của cán bộ Việt Minh huyện, nhân dân trong xã thực hiện tiêu thổ kháng chiến, cất dấu lương thực, của cải, các trung đội du kích vận động nhân dân tham gia phối hợp với các xã bạn đắp ụ, đào hầm hố trú ẩn. Đào hố hoả mai, hố chử chi trên quốc lộ I và đường từ Cầu Gừng vào Sở Kiện; làm kè Đuan Vỹ để ngăn cản xe và ca nô của địch; tổ chức lực lượng mang tre, rơm dạ chi viện cho Nam Định để đánh trả cuộc chiếm đóng của địch trong thành phố Nam Định.

Giữa năm 1947, theo sự chỉ đạo của Huyện uỷ Thanh Liêm, Chi bộ đã phân công đảng viên tích cực khẩn trương làm công tác tuyên truyền, phát triển đảng viên mới. Tháng 8/1947, Huyện uỷ Thanh Liêm chuẩn y kết nạp 3 đảng viên mới lấy tên là “Lớp đảng viên tháng Tám” gồm có các đồng chí: Nguyễn Văn Sửu, Trần

Văn Phái và Lê Văn Duyên, lễ kết nạp được tổ chức tại đình Nham Tràng xã Thanh Nghị. Từ cuối năm 1947 đến giữa năm 1948, Chi bộ đã phát triển thêm được nhiều đảng viên, do đó Huyện uỷ đã chỉ đạo thành lập Ban chi uỷ xã gồm 3 đồng chí; đồng chí Trần Phú Thái là bí thư Chi bộ, đồng chí Lê Duy Tư, chi uỷ viên phụ trách, đoàn thể quân chúng, đồng chí Nguyễn Thanh Vân, chi uỷ viên phụ trách Chính quyền.

Lúc này Chính quyền cách mạng còn nhiều yếu kém, chưa nhiệt tình với phong trào, trước tình hình đó Huyện uỷ Thanh Liêm đã giao cho Uỷ ban hành chính huyện chỉ đạo Hội đồng nhân dân xã kiện toàn, củng cố lại Uỷ ban hành chính xã. Đầu năm 1948, Chi bộ đã chỉ đạo triệu tập các đại biểu Hội đồng nhân dân xã họp tại đình Ao Cá bầu ra Uỷ ban hành chính mới gồm các đồng chí sau: Nguyễn Văn Thi (cảm tình Đảng) làm chủ tịch, Nguyễn Văn Núi (đảng viên) làm phó chủ tịch, Nguyễn Thanh Vân (đảng viên) làm uỷ viên thư ký, Vũ Như Kính (cảm tình Đảng) làm uỷ viên văn hoá, Trần Văn Chắt (cảm tình Đảng) uỷ viên tuyên truyền, Trần Văn Phái (đảng viên) làm uỷ viên thủ quỹ, Trần Văn Uy (cảm tình Đảng) làm uỷ viên quân sự.

Tháng 6/1948, Ủy ban kháng chiến hành chính liên khu 3 và Bộ tư lệnh liên khu 3 tổ chức Đại hội “thi đua luyện quân lập công” tại khu vực Ao Hồ với sự tham gia của 4 trung đoàn chủ lực gồm: Trung đoàn 48 Thăng Long, Trung đoàn 34, Trung đoàn 42 Trung Dũng và Trung đoàn 66 Tây Tiến. Đồng chí Nguyễn Văn Châu chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính liên khu 3, Thiếu tướng Hoàng Sâm tư lệnh liên khu 3, đồng chí Lê Quang Hoà chính uỷ viên liên khu 3 đã đến dự và chủ trì Đại hội. Đại hội đã diễn ra trong 5 ngày, xã Thanh Thủy đã góp phần lớn vào thành công của Đại hội như: huy động nhân dân chuẩn bị thao trường; sắp xếp chỗ ăn, ở cho bộ đội đóng quân, tổ chức thuyền đưa đón bộ đội qua sông đảm bảo an toàn tuyệt đối trong suốt thời gian diễn ra Đại hội. Sự kiện này đã gây được tiếng vang lớn, nhân dân rất phấn khởi, củng cố thêm được niềm tin vào thắng lợi của cuộc kháng chiến của dân tộc.

Tháng 10/1948, theo Quyết định của trên hợp nhất hai xã Thanh Thủy và xã Thanh Tĩnh thành một xã lấy tên là xã Thanh Thủy. Tổ chức Đảng và bộ máy chính quyền cũng được kiện toàn. Chi bộ đảng hợp nhất của hai xã gồm có 72 đảng viên do đồng chí Lê Duy Tư làm

bí thư; đồng chí Nguyễn Văn Khương làm phó bí thư; đồng chí Nguyễn Văn Thi làm chủ tịch Ủy ban hành chính xã; đồng chí Cao Sơn làm chính trị viên xã đội; đồng chí Trần Văn Nghĩa làm xã đội trưởng. Đến đầu năm 1949 đồng chí Tư chuyển công tác khác, Chi bộ cử đồng chí Đào Hữu Quy giữ chức Bí thư Chi bộ và Chủ tịch Ủy ban hành chính xã là đồng chí Cao Đức Hộ.

Từ sau cách mạng tháng 8/1945 đến hết năm 1948 ở Thanh Liêm nói chung và Thanh Thủy nói riêng vẫn là vùng tự do, nhưng đến ngày 12/7/1948 địch nhảy dù chiếm cao điểm núi Bô (Ý Yên) và càn quét vào vùng núi đất huyện Thanh Liêm. Ngày 11/12/1948, địch ở Ninh Bình dùng ca nô, tàu chiến theo sông Đáy đổ bộ lên Cầu Khuất, phối hợp với quân nhảy dù mở đợt càn quét lớn vào Thanh Liêm. Chúng đi đến đâu thực hiện chính sách “Tam quang” đến đó. Chúng đốt sạch, quét sạch, phá sạch làm cho nhân dân vô cùng sợ hãi. Trước tình hình trên, theo chủ trương của Đảng ta, tổ chức cho nhân dân ở thị xã, vùng địch tạm chiếm phải sơ tán về vùng tự do. Lúc này một số xã, thôn vùng ven sông Đáy (tây Đáy) vẫn là vùng tự do, nên nhân dân các nơi sơ tán về đây. Dưới sự

lãnh đạo của Chi bộ Đảng và Chính quyền, nhân dân xã Thanh Thủy đón tiếp chu đáo tận tình để họ sớm ổn định cuộc sống, bảo đảm an toàn cả tính mạng và tài sản, đồng thời chuẩn bị về mọi mặt cho cuộc kháng chiến.

Phong trào kháng chiến chống Pháp trong cả nước lan rộng, phát triển mạnh mẽ, tháng 12/1949 Trung ương Đảng ta ra Chỉ thị, trong đó nêu rõ âm mưu của địch đánh chiếm đồng bằng nhằm kéo dẫn lực lượng chủ lực của ta hòng tiêu hao sinh lực ta. Thực hiện Chỉ thị đó, dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ, Chi bộ xã Thanh Thủy đã họp bàn kế hoạch. Một mặt chuẩn bị cho nhân dân yên tâm khi có chiến sự xảy ra; một mặt cử đảng viên, cán bộ phụ trách công tác cho dân sơ tán vào rừng. Người ở lại vừa tổ chức đánh địch vừa lao động sản xuất. Mỗi thôn có một trung đội dân quân du kích từ 15-20 người ở xã thành lập một trung đội cơ động hay bán đội tập trung từ 25-30 người do ông Hùng Cơ, xã đội trưởng chỉ huy, lực lượng dân quân du kích luyện tập tại lò sản xuất gạch ngói của Chu Văn Luận. Các đoàn thể quần chúng trong thời gian này cũng được phát triển mạnh, chi bộ Đảng xã Thanh Thủy hết sức chú trọng đến công tác xây dựng

Đảng. Công tác giáo dục, rèn luyện đảng viên được tiến hành song song với công tác phát triển Đảng. Trong năm 1948-1949 số lượng đảng viên trong Chi bộ phát triển khá nhanh, toàn Chi bộ lúc này có 72 đảng viên. Tuy nhiên do thực hiện chỉ tiêu phát triển Đảng của huyện nên 2 năm việc phát triển đảng ô ạt, chạy theo số lượng, chưa quan tâm chất lượng nên một số đảng viên không đủ tiêu chuẩn, không phát huy tác dụng, nên cuối năm 1950 Đảng chủ trương ngừng phát triển đảng viên mới để củng cố lại tổ chức.

Đến hết tháng 12/1949, ở Thanh Thủy vốn là vùng tự do không bị địch chiếm đóng nhưng chúng thỉnh thoảng dùng máy bay qua lại kiểm soát khu vực ven sông Đáy.

Cùng với nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, Chi bộ xã Thanh Thủy tiếp tục củng cố các lực lượng vũ trang địa phương; kiện toàn củng cố các trung đội dân quân du kích. Ở các thôn có hàng trăm thanh niên, trung niên tham gia đội viên, phong trào tòng quân được phát động trong thanh niên, toàn xã đã có 11 đồng chí tình nguyện lên đường nhập ngũ.

Đầu năm 1950, do thiên tai xảy ra liên tiếp, đời sống nhân dân gặp khó khăn, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện uỷ, Chi bộ xã đã động viên nhân dân tận dụng mọi diện tích vườn, rừng để trồng ngô, trồng khoai, sắn, đồng thời tạo điều kiện để một số hộ phát triển nghề khai thác đá, nung vôi. Qua cuộc vận động trên tình hình đời sống người dân đỡ khó khăn.

Được Huyện uỷ Thanh Liêm chỉ đạo, Chi bộ xã Thanh Thủy đã vận động nhân dân theo đạo thiên chúa ở Khắc Cần đấu tranh với bọn địa chủ buộc chúng phải giảm tô đúng 25% cho 50 hộ tá điền và xuất gạo tích trữ bán cho trên 50 gia đình thiếu đói. Cuộc đấu tranh này được phần đông nhân dân đồng tình ủng hộ, song trong Đảng cũng có quan điểm cho rằng như vậy là “tả khuynh”.

Chi bộ còn chăm lo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, theo hướng dẫn của Huyện uỷ, xã Thanh Thủy Đại hội mặt trận Liên Việt. Đại hội bầu ông Nguyễn Văn Sửu làm Chủ tịch Liên Việt xã, thông qua tổ chức mặt trận đã thu hút các tầng lớp Đảng phái (Đảng dân chủ), tôn giáo vào mặt trận.

Đầu năm 1950, thực dân Pháp tấn công vào Hà Nam, Thanh Liêm, hàng ngày địch dùng máy bay ném bom xuống các địa điểm nghi có bộ đội, kho tàng công binh xưởng; ở Thanh Thủy chúng ném bom vào công binh xưởng Đội Cấn được thành lập ở đồn điền Vũ Xá - nơi sản xuất vũ khí. Buộc công binh xưởng phải chuyển vào Thanh Hoá. Ngoài ra, chúng còn tung gián điệp xuống thôn xóm điều tra lực lượng, phao tin đồn nhảm, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân. Chúng cấu kết với bọn phản động đội lột tôn giáo ở Kiện Khê ra lệnh cho các xứ họ đạo gấp rút chuẩn bị lương thực, chuẩn bị cơ sở vũ trang để đón giặc Pháp.

Thời kỳ 1946-1950 là thời kỳ phát triển và trưởng thành của Đảng bộ và nhân dân xã Thanh Thủy, thời kỳ có nhiều dấu ấn lịch sử quan trọng: Chi bộ Đảng Cộng Sản Đông Dương đầu tiên của xã ra đời và trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở cơ sở, là thời kỳ tập dượt, thử lửa, chuẩn bị về mọi mặt cho cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ và khốc liệt 1950-1954.

III- Đấu tranh chống địch chiếm đóng, góp phần giải phóng quê hương (1950-1954)

Thực hiện âm mưu chiến lược đánh chiếm đồng bằng, đầu năm 1950 thực dân Pháp mở rộng tấn công vào Hà Nam và Thanh Liêm theo nhiều hướng từ Ninh Bình lên bằng ca nô, tàu thủy, từ Hà Đông, Phủ Lý đổ bộ vào; từ Nam Định đánh lên. Chúng tổ chức nhiều cuộc càn quét nhỏ ven đường quốc lộ 21, vùng phía đông Đáy, khu núi đất. Chúng đi tới đâu bắt phu tới đó, phá hoại đình chùa, cầu kết chặt chẽ với bọn cường hào, nhất là bọn phản động đội lột thiên chúa giáo lập tề vũ trang ở các làng. Ở Thanh Thủy chúng lập tề vũ trang ở Phượng Tường, Trung Thứ và thôn Võ Giang. Lúc này lực lượng của ta còn mỏng, nhân dân lo lắng chạy đi sơ tán vào rừng ở trong các thung, một số đảng viên do dự, cá biệt có đảng viên bi quan, dao động, tản mát mỗi người một nơi không liên lạc được với nhau, hoạt động gặp nhiều khó khăn cá biệt có người bỏ hàng ngũ Đảng phục vụ cho địch.

Trước sự tấn công của địch, Tỉnh uỷ Hà Nam ra lời kêu gọi cán bộ, đảng viên và nhân dân toàn tỉnh tích

cực diệt địch, giữ vững cơ sở, đồng thời thành lập cấp tốc các đội tuyên truyền vũ trang. Thực hiện Chỉ thị và lời kêu gọi trên, được ban cán sự Đảng của huyện chỉ đạo, các đảng viên, cán bộ cốt cán của Thanh Thủy tiếp tục bám đất, bám dân, đẩy mạnh chiến tranh du kích. Thực hiện chủ trương đánh địch của Tỉnh uỷ Hà Nam là phá nguy quân, nguy quyền, đẩy mạnh xây dựng cơ sở kháng chiến. Trong những ngày cuối tháng 7/1950, các lực lượng của ta nổ súng, ném lựu đạn quấy rối các vị trí, các thôn có tề vũ trang trong toàn tỉnh. Đồng thời nhiều thôn, xã cùng nổi chiêng, trống, mõ, kèn hỗ trợ. Được sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, du kích xã Thanh Thủy cùng du kích Kiện Khê, đêm 30/7/1950 tiến công diệt tề vũ trang ở Khắc Cần, bắt sống một số vệ sỹ, thu toàn bộ vũ khí. Tiếp đó đến 6/8/1950 tấn công diệt bớt Võ Giang. Trước đó du kích xã phối hợp với bộ đội huyện đã 2 lần tấn công nhưng không thành công vì lực lượng của ta mỏng, kế hoạch bị bại lộ, chúng chống trả quyết liệt, buộc ta phải rút quân về. Phía ta bị hy sinh một đồng chí bộ đội vì ở bớt Võ Giang địch có một trung đội bộ binh có trang bị vũ khí, hỏa

lực mạnh, công sự vững chắc. Nhân đà thắng lợi ấy, quân và dân Thanh Liêm tiến lên phá 84 bọn tề, toàn huyện chỉ còn lại 16 thôn có tề võ trang... bị tấn công đồng loạt và bất ngờ, địch hoang mang lo sợ. Kết quả đợt phá tề của Thanh Liêm, Tỉnh uỷ Hà Nam tiếp tục chỉ đạo cho các huyện Lý Nhân, Bình Lục tiếp tục phá tề.

Cuối năm 1950, địch tăng cường hoạt động đánh phá, một toán quân địch dùng 11 thuyền từ Phủ Lý kéo xuống nhà thờ Khắc Cần để chở lúa. Trên đường bộ có lực lượng bảo an yểm hộ đoàn vận chuyển đường sông. Được sự phối hợp của bộ đội huyện, bán đội tập trung của xã đã tổ chức đánh địch. Cuộc chiến đấu diễn ra từ 5 giờ sáng đến 11 giờ trưa; địch phải rút về Kiện Khê. Kết quả ta đã tiêu diệt 2 tên địch và thu được 5 thuyền lúa.

Trong xã, thực dân Pháp bắt nhân dân chặt từ 400-500 cây tre nộp cho chúng để chúng xây dựng bốt công ngói. Chúng bố trí một tiểu đội bảo an nằm trong nhà thờ Trung Thứ để canh gác. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, chỉ sau một đêm nhân dân ở khu vực xung quanh đã lấy hết số tre đó và vận chuyển về Thanh Tân để rào làng kháng chiến, chiến công này đã làm thất bại âm

muu xây dựng bốt Công Ngói của địch. Ở bốt Võ Giang, địch lại tiếp tục bổ sung tăng cường lực lượng quân đội, một mặt bắt dụ dỗ một số thanh niên bạc nhược tinh thần bổ sung vào lực lượng bảo an, bảo Hoàng đánh thuê cho chúng và làm bia đỡ đạn. Chúng lợi dụng những phân tử phản động, địa chủ làm việt gian chỉ điểm bắt bớ đảng viên, cán bộ cách mạng của ta.

Đầu năm 1951, ở bốt Võ Giang bọn địch vẫn ngoan cố bám trụ và tăng cường lực lượng hỗ trợ nhằm để kiểm soát khu vực này. Lực lượng của ta nhiều lần tấn công tiêu diệt nhưng đều không thành. Ngày 29/5/1951, được sự phối hợp của bộ đội chủ lực sư đoàn 320 gồm 1 đại đội bộ binh do đồng chí Hoà (thường gọi là Hoà điếc) chỉ huy. Trận đánh diễn ra quyết liệt suốt 4 giờ đồng hồ (từ 00 giờ đến 04 giờ sáng ngày 29/5/1951). Kết quả ta đã dùng bộc phá phá huỷ toàn bộ bốt Võ Giang tiêu diệt tại chỗ 11 tên địch, thu 49 khẩu súng các loại, trong đó địch tự tay mang ra nộp 4 khẩu. Từ đây trên địa bàn xã Thanh Thủy không còn đồn bốt của địch, buộc địch phải rút chạy, chọc thủng một mảng lớn tuyến phòng thủ sông Đáy, bị bất ngờ địch hốt hoảng tổ chức phòng ngự lại

phòng tuyến sông Đáy, vừa cho máy bay ném bom, vừa tổ chức những cuộc hành quân càn quét để trả đũa.

Ngày 19/5/1952, sau khi bộ đội đi chiến dịch Quang Trung về nghỉ ở chùa Lường và chùa Trung Thứ. Bất ngờ lính Lê dương đi càn từ Ba Trại vào làng Trung Thứ, với sự yểm trợ của đại bác, địch bắn từ núi Côi vào. Trước tình hình đó nhân dân và du kích địa phương đã phối hợp cùng bộ đội chủ lực áp sát địch, đánh sát la cà với lính Lê dương. Kết quả ta đã tiêu diệt trên 20 tên địch, làm bị thương nhiều tên khác, thu được nhiều vũ khí và trang bị của địch. Bị thua đau, địch đã dùng máy bay ném bom vào làng Trung Thứ, làm chết 1 dân thường, một số nhà dân bị phá hỏng. Sau mấy ngày, địch quay lại lấy xác, chúng bắt nhân dân ta khênh các xác chết của địch về bốt Kiện, trong đó có 1 tên quan hai Pháp.

Đến tháng 10/1952, địch từ Kiện Khê mở một cuộc càn xuống Võ Giang, lực lượng du kích xã do đồng chí Hiến xã đội phó chỉ huy tổ chức chặn đánh ngay từ khi chúng đặt chân lên địa bàn của xã. Với sự yểm trợ của đại bác, từ núi Côi, địch bắn vào khu vực Ô Giang 1 đại đội Commăng đô liên tiếp tấn công vào núi Ô Giang,

gần 20 du kích của ta được trang bị súng kíp, lựu đạn, trông mìn, đã ngoan cường đánh trả. Kết quả ta đã tiêu diệt 1 tên địch và làm bị thương một số tên, buộc địch phải rút về Kiện Khê, ta đã bảo toàn lực lượng. Sau các trận đánh trên, địch hoang mang, nhất là bọn bảo an, bảo hoàng của xã cũng lo sợ không có chỗ dựa. Nhân lúc này, Chi bộ họp nhận định tình hình địch, ta, phân công từng đảng viên có nhiệm vụ vận động quần chúng, kêu gọi người thân đi lính cho Pháp trở về nhà làm ăn. kết quả ông Lê Hữu Thuỳ là Chánh bảo an đã lấy đạn và lựu đạn của địch mang ra nhà ông Bình Ngọ ở Phụng Tường nộp cho du kích xã, cùng với công tác vận động, Chi bộ thực hiện chủ trương phá tề của Huyện uỷ. Hai thôn Trung Thứ và Phụng Tường đầu năm 1950 thành lập 2 ban tề làm tay sai cho Pháp, các ban tề này do những tên Chánh hương chủ, xã uỷ làm trưởng ban. Pháp sử dụng ban tề theo dõi chỉ điểm hoạt động của cán bộ cách mạng ta. Hoạt động của ban tề ác rất nguy hiểm, do đó ta phải giải tán, tiêu diệt bọn đầu sỏ trong các ban tề. Do vậy chỉ trong vòng một tuần lễ ta đã phá xong 2 ban tề, bắt những tên đầu sỏ, một số tên bảo an, dân vệ

trong ban tề hoảng sợ bỏ ngũ ra đầu hàng và mang theo 6 khẩu súng ra nộp cho cách mạng, từ đó tình hình an ninh trong xã được ổn định, không còn bọn điếm chỉ tay sai quấy phá.

Những thắng lợi bước đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, Chi bộ Đảng lại tiếp tục được củng cố. Một số đảng viên đưa dân sơ tán vào rừng, một số đồng chí “bật đất”, nay được ban chỉ uỷ gặp gỡ, động viên, giao nhiệm vụ. Được xác định tư tưởng quyết tâm bám đất, bám dân, cán bộ, đảng viên, lực lượng dân quân tự vệ lợi dụng lúc địch lúng túng đã trở lại cơ sở hoạt động. Chi bộ phát động quần chúng thu hoạch lúa chiêm nhanh gọn để phòng kế hoạch thu thuế, nộp lúa của địch. Đồng thời phát động quần chúng chống thuế như khát lửa, dây dưa không nộp hoặc khai lậu số thuế, rồi vận động tề không thu, hoặc thu rồi nộp cho ta...

Với thắng lợi trên, nhân dân trong xã càng phấn khởi hăng hái tham gia công tác kháng chiến. Trong thời gian này trên địa bàn Hà Nam, địch phải co cụm lại ở các địa bàn trọng yếu. Xã Thanh Thủy và vùng ven Đáy, chúng lập vành đai trắng- là vùng tiếp giáp giữa vùng địch chiếm

đóng và vùng tự do của ta. Do vậy chúng vẫn thường xuyên kiểm soát quân sự, thỉnh thoảng mở một số cuộc càn để dương oai cầm cự, vì địch lúc này phải rút về tập trung cho chiến trường chính.

Năm 1952 là năm tiến hành xây dựng và mở rộng khu du kích, đồng thời cũng là năm củng cố lại các tổ chức Đảng trong tỉnh, trong huyện. Chi bộ Thanh Thủy lúc này có 125 đảng viên. Nhiệm vụ của Chi bộ Đảng tập trung tuyên truyền vận động nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, ổn định đời sống, vận động nhân dân tích cực đóng thuế ủng hộ kháng chiến.

Đầu năm 1953, thực hiện chủ trương của Đảng về việc “phát động quần chúng đấu tranh giảm tô, thực hiện giảm tức, chia công điền, ruộng đất của thực dân Pháp và bọn việt gian cho người dân nhằm thoả mãn bước đầu yêu cầu chính đáng về kinh tế của nông dân”. Ở xã Thanh Thủy đã dấy lên phong trào sôi nổi trong quần chúng nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, nhân dân các thôn đấu tranh với các địa chủ, cường hào trả lại ruộng đất để chia cho dân nghèo, đòi chúng phải giảm tô, giảm tức, kết quả địa chủ... phải bỏ hàng trăm mẫu ruộng cho

Chính quyền xã để chia cho dân. Tiếp đó là cuộc đấu tranh vay thóc lúa của địa chủ và phong trào tương thân, tương ái giúp nhau vượt qua lúc đói kém được nhân dân hưởng ứng. Qua đó đời sống người dân được cải thiện một phần nào đó, khối đoàn kết nông thôn thêm củng cố.

Do không đủ lực lượng mở những cuộc hành quân với qui mô lớn, nhưng địch vẫn cho những lực lượng cơ động địa phương tổ chức những cuộc càn thọc sâu vào các khu du kích của ta. Tháng 4/1953, một đội dem xanh ở Bình Khê, kết hợp với bảo an, bảo hoàng ở Kiện Khê tấn công Võ Giang, từ 6 giờ sáng chúng kéo quân vào để yểm trợ và phối hợp với lực lượng đánh bộ, ở núi Côi chúng dùng đại bác bắn hàng loạt vào làng... và các vị trí trọng yếu, để dọn đường cho quân bộ tiến vào. Biết trước tình hình trung đội du kích xã do đồng chí Vũ Công Hiến xã đội phó chỉ huy. Ta đã chủ động gài trống, mìn xung quanh núi Ô Giang đưa vào trong hang 1 chum nước, 30 kg gạo, 10kg ngô rang, 16 hũ gạo nếp rang... để chiến đấu lâu dài với quyết tâm lớn của du kích ta, địch càn lớn, càn nhỏ cũng chiến đấu đến cùng. Cuộc chiến đấu giằng co giữa 2 bên trong 9 giờ đồng hồ. Kết quả du kích ta đã tiêu diệt 1 tên địch và

thu 1 khẩu súng, một số tên khác bị thương, cuối cùng chúng lại phải rút quân về Kiện Khê.

Ở bốt Kiện Khê, địch đầu tư mọi mặt cả lực lượng lẫn vũ khí, bố phòng rất kiên cố. Khi pháp về chiếm Hà Nam và Thanh Liêm chúng đặt vị trí bốt ở đây để kiểm soát toàn bộ khu vực xung quanh. Do vậy theo chủ trương của huyện phải tiêu diệt bằng được chiếc bốt nguy hiểm này.

Theo kế hoạch, tháng 5/1953, bộ đội chủ lực thuộc trung đoàn 34, sư đoàn 304 do trung đoàn trưởng Hoàng Cao trực tiếp chỉ huy đã phối hợp với bộ đội huyện và du kích xã bao vây đánh bốt Kiện Khê. Vì lực lượng của địch phòng thủ vững chắc, quân ta phải bao vây 3 ngày liền vừa để nắm tình hình vừa để cắt viện trợ từ ngoài vào nhất là lương thực và nước sinh hoạt. Đến ngày thứ 4, địch điều quân từ Phủ Lý về giải vây. Vì lực lượng của địch đông mạnh, lực lượng của ta còn mỏng nên ta phải tạm rút ra, do đó chúng đã đưa linh mục Bảng (chủ trì nhà thờ Kiện Khê vừa làm nhiệm vụ chỉ huy bốt Kiện) chạy vào nhà thờ chốn thoát. Tiếp sau đó du kích xã đã dẫn đường và phối hợp với bộ đội chủ lực tiến đánh quân

Pháp ở Bằng Khê, trận này ta đã bắt được 36 tên địch, trong đó có 35 lính Pháp và 1 sỹ quan nguy hiểm giải về Thanh Thủy tổ chức lấy cùng (1) sau đó du kích xã đã dẫn giải chúng về trại tù Xích Thổ ở Hoà Bình.

Trước tình hình làng xóm, nhà cửa của nhân dân bị địch tàn phá, nhất là ở thôn Đò, Chi bộ xã đã họp bàn kế hoạch khắc phục hiệu quả địch tàn phá, sớm ổn định đời sống nhân dân. Vận động nhân dân trong xã góp công, ủng hộ tre, gỗ, giúp dựng lại nhà cho dân thôn Đò bị địch đốt. Xã trích quỹ nghĩa thương trợ cấp cho những gia đình hết thóc ăn. Ngày 1/7/1954, địch rút chạy khỏi Nam Định, Hà Nam (Địch rút khỏi Thanh Thủy từ sau khi chốt Võ Giang bị tiêu diệt).

Qua 8 năm, từ khi Chi bộ Đảng xã Thanh Thủy ra đời và trực tiếp lãnh đạo nhân dân trong xã đánh trả các cuộc càn quét đánh phá của địch góp phần cùng nhân dân cả nước đánh thắng đế quốc Pháp, giải phóng quê hương, đất nước.

Tổng kết cuộc kháng chiến chống Pháp, Chi bộ và nhân dân xã Thanh Thủy đã động viên 67 con em

(1) Ông giáo Quý- người giỏi tiếng Pháp hồi cung

vào bộ đội, trong đó có: 23 liệt sỹ, 10 thương binh, có 267 thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến phục vụ chiến đấu.

Quân và dân trong xã đã tham gia đánh địch 10 trận, tiêu diệt hơn 30 tên, bắt sống một số tên cả chỉ điểm và thu nhiều vũ khí các loại.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân Thanh Thủy đã được Nhà nước tặng thưởng cho tập thể và cá nhân: 55 Huân chương kháng chiến các loại, 44 Huy chương kháng chiến các loại.

Kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc được hoà bình, nhân dân Thanh Thủy cùng nhân dân cả nước lại bắt tay vào sự nghiệp cách mạng mới – sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

CHƯƠNG III

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC CÁCH MẠNG XHCN Ở MIỀN BẮC, CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở MIỀN NAM (1954-1965)

I- Hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất, ổn định đời sống nhân dân: (7/1954-1957).

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta kết thúc thắng lợi mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ trấn động địa cầu. Với hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 buộc thực dân Pháp phải công nhận nền độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp có sự giúp sức của đế quốc Mỹ ở Đông Dương đã chấm dứt, miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng.

Từ đây, cả nước nói chung, trên mảnh đất Thanh Thủy nói riêng bước vào thời kỳ cách mạng mới – thời kỳ xây

dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, góp phần đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Cũng như bao miền quê khác của miền Bắc, nhân dân Thanh Thủy vừa thoát khỏi cuộc kháng chiến trường kỳ, chống thực dân Pháp xâm lược, đầy hy sinh, gian khổ nhưng cũng rất hào hùng. Cuộc chiến tranh vừa kết thúc, nhân dân đang tràn ngập niềm vui được sống trong hoà bình thì lại phải đương đầu với những khó khăn, thử thách mới để khôi phục kinh tế, khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh và chế độ phong kiến, thực dân để lại, nền kinh tế của địa phương vốn đã lạc hậu lại càng tiêu điều: ruộng đồng bị bỏ hoang hoá, năn lác mọc đầy do địch lập vành đai trắng, toàn xã có 450 mẫu bị bỏ hoang, đây là vành đai trắng giáp Bốt Kỳ Cầu và bốt Ô Giang; đê điều, đường xá bị bom mìn băm nát, trâu bò bị giết hại, nông cụ thiếu thốn; trình độ canh tác lạc hậu; nạn đói diễn ra kéo dài và ngày càng trầm trọng; dân cư phân tán; lao động ít, sức lao động cạn kiệt do nghèo đói, nhà cửa bị đốt phá; ở nhiều làng nhà cửa của nhiều gia đình bị giặc đốt phá trong kháng chiến vẫn chưa có điều kiện khắc phục, thêm vào đó ở quanh các

đồn bốt hệ thống dây thép gai, chông mìn vẫn còn nhiều và gây nhiều trở ngại cho sản xuất nông nghiệp; vùng đồng bào theo đạo Thiên Chúa thì bị địch lung lạc đang hoang mang, lo lắng sợ mất đạo, sợ bị trả thù; các tổ chức đoàn thể chính trị chưa được củng cố, đời sống nhân dân gặp muôn vàn khó khăn. Sau khi đình chiến, ở Thanh Thủy có khoảng 175 người theo đạo thiên chúa và một số nguy quân. Số người này do bị tuyên truyền, xuyên tạc chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, họ tỏ ra lo lắng, không yên tâm tin tưởng vào chính quyền địa phương. Một số gia đình công giáo được ta vận động ở lại quê hương, nhưng trước những khó khăn của những ngày đầu mới giải phóng cũng tỏ ra không yên tâm sản xuất. Cùng với những khó khăn trên, tình hình sản xuất nông nghiệp trong năm 1954 gặp nhiều khó khăn do bị hạn hán, lũ lụt, nên phần đông nông dân trong xã lâm vào tình trạng thiếu đói nghiêm trọng. Những thực tế trên đây đã tác động rất lớn tới tình hình tư tưởng của quần chúng nhân dân, đồng thời cũng đặt ra cho Chi bộ đảng những thử thách mới.

Cuối năm 1954, đầu năm 1955 nhiều nơi trong huyện rõ lên luận điệu xuyên tạc chống lại chủ trương, đường

lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta, chúng gây hoài nghi trong nội bộ giáo dân. Tại thôn Tân (Thanh Hương) một chức sắc nhà thờ giao giảng trước giáo dân: “chiến tranh thế giới thứ III nhất định có, chắc sống đâu mà vỡ hoang”, tại thôn Non (Thanh Lưu) địch tuyên truyền: “kẻ lành hiện vào Nam cả, ngoài Bắc chỉ toàn kẻ dữ”. Tại một số nơi như: Liêm Phong, Liêm Tiết, Liêm Tuyên, xứ đạo Kiện Khê... chúng đều tung tin: “Mỹ sẽ ném bom nguyên tử huỷ diệt miền Bắc, ở nhà rồi thì mất đạo, chết không có linh hồn”... do bị kích động, tuyên truyền cưỡng ép của địch nên một số người do nhẹ dạ, cả tin, còn phần đông là nguy quyền, nguy quân, địa chủ, phản động, chốn tránh tội lỗi tiếp tục con đường lầm lạc di cư vào Nam. Tính đến cuối năm 1955 xã Thanh Thủy có 95 - người di cư vào Nam, trong đó có 60 nam, 35 nữ, 63 người công giáo và 32 người khác.

Để sớm khắc phục những khó khăn trên, tháng 9/ 1954, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết “Hàn gấn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, giảm bớt những khó khăn về đời sống nhân dân, phát

triển kinh tế một cách có kế hoạch và từng bước mở rộng việc giao lưu kinh tế giữa thành thị và thôn quê”. Thực hiện Nghị quyết của Bộ chính trị và sớm ổn định đời sống mọi mặt của nhân dân. Huyện uỷ đã kịp thời phân tích tình hình và đề ra những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Nhanh chóng ổn định tình hình chính trị, xã hội, tiếp quản vùng mới giải phóng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

- Giao cho lực lượng bộ đội, công binh, dân quân, du kích tháo gỡ bom, mìn, hàng rào dây thép gai do địch để lại.

- Tu bổ một số đê kè, đường liên xã, liên thôn để giữ nước.

- Vận động cán bộ, đảng viên, nhân dân khai hoang, phục hoá, sản xuất tự túc, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

Chấp hành sự chỉ đạo của cấp trên, căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của xã, Chi bộ đã vận động nhân dân giúp đỡ lẫn nhau tu sửa nhà cửa, đường xá, tháo gỡ chông mìn... đồng thời lãnh đạo, tổ chức cho nhân dân, bảo an, bảo hoàng đi lính cho Pháp học tập chính sách tự do, tín

ngưỡng, đoàn kết lương giáo, chính sách khoan hồng của Đảng và Chính Phủ đối với tề nguỵ đồng thời nhanh chóng ổn định tình hình chính trị, xã hội. Nhờ vậy mà nhân dân được giác ngộ, số tề nguỵ, quân chúng đang hoang mang, lo lắng dần yên tâm trở lại.

Từ cuối năm 1954 đến năm 1956 việc sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, nông cụ lạc hậu giống vốn thiếu thốn, đồng ruộng hoang hoá, thiên tai lũ lụt xảy ra thường xuyên, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nạn đói diễn ra kéo dài và nghiêm trọng. Do vậy, việc cứu đói lúc này là hết sức cần kíp, nhiều gia đình rơi vào tình trạng đứt bữa, phải ăn độn, ăn lót kéo dài. Trước tình đó, Chi bộ đã chỉ đạo, tổ chức cho nhân dân, lực lượng vũ trang tháo gỡ hàng rào dây thép gai, bom, mìn đồng thời đẩy mạnh khai hoang, phục hoá 450 mẫu ruộng, cải tạo đồng ruộng trồng các loại cây hoa màu, cây ngắn ngày, vận động nhân dân tương trợ lẫn nhau với tinh thần tương thân, tương ái “lá lành đùm lá rách”. Nhờ có phong trào tự túc, tự cấp, sự giúp đỡ trong nhân dân, được chính quyền cấp trên trích quỹ lương thực cứu tế cho nhân dân nên trong xã không có người bị chết vì đói.

Hưởng ứng cuộc vận động của cấp trên, lực lượng quân sự không quan ngại gian khổ hy sinh đã tháo gỡ hết bom, mìn, giải phóng mặt bang cho nhân dân sản xuất an toàn. Nhiều hộ gia đình chung nhau vay tiền mua giống vón, nông cụ, sức kéo tổ chức khai hoang, phục hoá, cải tạo đồng ruộng đẩy mạnh sản xuất. Nhờ công cuộc khai hoang phục hoá, bước đầu củng cố hệ thống giao thông, thay lợi, đê kê, đê Đáy được hàn khẩu, khắc phục thiên tai nên các năm 1955, 1956 nông dân đã cấy, trồng hết mùa tích, đặc biệt năm 1957 được mùa cả 2 vụ.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, sản xuất thủ công nghiệp như khai thác đá, tó mạy, mạy, tổ vận tải đường sông, lò rèn và một số ngành nghề phụ từng bước được khai phục đi vào ổn định sản xuất hàng tháng toàn xã khai thác khoảng 600m³ đá, mỗi năm khai thác được khoảng 6.000 m³ đá các loại nặng 4.000 công. Thu nhập của nhân dân ngày càng tăng, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

Koong song với công tác sản xuất, cứu đói, Chi bộ đã quan trọng sâu sắc các cấp ủy của cấp trên về chống phá hoại lương thực cứu nhân dân bị rơi vào Nam của địch; vận

động nhân dân đấu tranh chống phá âm mưu, thủ đoạn giành dân của Mỹ-Địch. Những cuộc mít tinh được tổ chức trên địa bàn xã như ở khu vực sân Chợ Lường.

Do chỉ uỷ nắm vững chủ trương của cấp trên, đồng thời vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương nên đã phát động được toàn dân tham gia vào cuộc đấu tranh chống lại luận điệu xuyên tạc, dụ dỗ của đế quốc Mỹ và tay sai, cán bộ, đảng viên đã biết dựa vào quần chúng nhân dân, nên cuộc đấu tranh dù gay go quyết liệt nhưng cuối cùng cũng giành thắng lợi.

Công tác giáo dục, giai đoạn này còn gặp nhiều khó khăn, trước tình hình đó xã đã tiếp tục đẩy mạnh phong trào bình dân học vụ, người biết chữ dạy người chưa biết chữ, mở các lớp học tập trung, lớp liên gia, đêm đêm người đi học tập nập. Chi bộ đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cổ động, rước đuốc ban đêm từ đầu xã đến cuối xã, đồng thời mở chiến dịch xuống từng thôn xóm kiểm tra, làm công trào, hỏi chữ ở đầu chợ, ai biết chữ thì cho vào chợ, ai không biết chữ thì phải học, do đó phong trào xoá nạn mù chữ ở Thanh Thủy phát triển nhanh chóng, hiệu quả cao, tháng 6 năm 1958

Thanh Thủy được công nhận xoá nạn mù chữ: là một trong những đơn vị xoá xong nạn mù chữ đầu tiên của huyện Thanh Liêm hệ giáo dục phổ thông lúc này đã có trường cấp I, toàn xã có 4 lớp vỡ lòng mỗi lớp có khoảng 15-20 học sinh, giai đoạn 1954-1955 có 4 lớp cấp I với 125 học sinh. Tuy nhiên về cơ sở vật chất phục vụ lớp học còn nhiều khó khăn, các lớp học chủ yếu dựa vào đình chùa đã có sẵn, đồng thời vận động nhân dân vào rừng lấy gỗ dựng được 6 phòng học tại Đình Lương.

Công tác y tế luôn luôn được quan tâm, chỉ đạo, phát động nhân dân góp công sức xây trạm xá tại khu trung tâm vào nhà Xẻ lấy khung nhà của Tây Giác về làm trạm xá do ông Bùi Ngọc Lung làm trạm trưởng. Phong trào vệ sinh “ăn chín, uống sôi”; “phòng bệnh hơn chữa bệnh” được chú trọng, do đó đã hạn chế được nhiều bệnh thông thường, hạn chế được dịch lây lan, sức khoẻ nhân dân được đảm bảo.

Chính quyền và các đoàn thể quần chúng như thanh niên, phụ nữ được củng cố, khôi phục và đi vào hoạt động giúp đỡ nhân dân ổn định chỗ ở, giúp đỡ vốn để nhân dân ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất.

Công tác xây dựng Đảng được tăng cường, việc tiến hành phê bình và tự phê bình trong Đảng được thực hiện nghiêm túc, dân chủ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chính trị cho đội ngũ cán bộ chủ chốt để nâng cao trình độ năng lực quản lý được đẩy mạnh.

Nhằm xoá bỏ chế độ bóc lột, Đảng quyết định phát động quần chúng triệt để đấu tranh giảm tô, tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu “*người cây có ruộng*”. Tháng 4/1955 đội giảm tô đã về xã do ông Nguyễn Văn Lễ làm trưởng đoàn. Tổ công tác đã lấy nhà chung Khắc Cần làm điểm cho huyện, ông Hoàng Văn Y uỷ viên Uỷ ban nhân dân huyện về thuyết phục linh mục Bàng vận động giáo dân để Nhà chung Khắc Cần phải triệt để giảm tô xuống còn 25% (theo đúng sắc lệnh Nhà nước ngày 12/4/1953). Số thóc địa chủ phải giảm tô, thoái tô được trả cho tá điền, một phần còn lại được xung vào quỹ cứu đói cho dân nghèo. Việc giảm tô ở Thanh Thủy được tiến hành nhanh, gọn từ tháng 2/1955 đến 5/1955 hoàn thành. Tuy nhiên giai cấp địa chủ ở Thanh Thủy đã bộc lộ sự sảo quyệt và ngoan cố, ngay từ năm 1953 khi Nhà nước ban hành sắc lệnh giảm

tô, một số địa chủ đã tìm mọi cách phân tán ruộng đất cho con cháu, dây dưa, khất giảm tô.

Tháng 6/1955, tại cánh bãi cây đa Hào phía tây đê đáy đồng chí Nguyễn Văn Lễ trưởng đoàn giảm tô đã tập trung nhân dân xã Thanh Thủy công bố tách xã Thanh Thủy thành 2 xã Thanh Thủy và Thanh Tân. Chi bộ Đảng Thanh Thủy được tách ra làm 2 Chi bộ Thanh Tân và Thanh Thủy. Chi bộ Thanh Thủy có khoảng 60 đảng viên do đồng chí Hoàng Châu làm bí thư, đồng chí Vũ Tiến Phúc làm phó bí thư.

Sau khi đội giảm tô rút, cuối tháng 7/1955 huyện lại cử Đội cải cách ruộng đất về đến cơ sở, đội trưởng là ông Hào, cán bộ của đội còn có ông Hoàng Bẩy và ông Tùng, ông Thuật, đội đã không dựa vào chính quyền xã mà dựa hoàn toàn vào cốt cán. lúc này đồng chí Phúc làm bí thư Chi bộ, mỗi thôn có từ 2-3 cán bộ thực hiện chủ trương sống 3 cùng với nhân dân “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” để tìm hiểu tình hình, phát động quần chúng, phân định thành phần giai cấp, quy kết thành phần địa chủ, phú nông, tố tội bọn cường hào, ác bá với phương châm “dựa hẳn vào bản cổ nông, đoàn kết với trung nông,

liên hiệp với phú nông, đánh đổ bọn địa chủ”. Giai cấp địa chủ ở Thanh Thủy có những tên phản động câu kết với đế quốc chống phá phong trào yêu nước, phong trào cách mạng của nhân dân trong xã như:..... Hội Tuyên ở xóm Bến; ông trùm Hàn, ông Lý Khơm và ông Bép Trác....

Biết bao đời nay người nông dân phải chịu cảnh áp bức, bóc lột cùng cực của bọn cường hào, địa chủ phong kiến, giờ đây, trước sức mạnh đấu tranh quyết liệt, triệt để của nhân dân, họ đã được trả lại quyền làm chủ của mình. Từng thôn xóm bùng lên khí thế mới, nhân dân bước vào học tập chính sách và được đội cải cách ruộng đất hướng dẫn tiến hành “*thăm nghèo, hỏi khổ*”, bắt rế, xâu chuổi, tố khổ, phân định thành phần nông dân và địa chủ. Những địa chủ cường hào có nhiều tội ác đều bị nhân dân đưa ra đấu tranh kể tội ác trước quần chúng nhân dân. Hàng trăm mẫu ruộng, tài sản, nhà cửa, thóc lúa, trâu bò, ruộng đất, nông cụ,... của địa chủ đều bị tịch thu, trưng thu rồi đem chia “*quả thực*” cho nông dân. Những văn tự bán ruộng, bán nhà, các giấy tờ cầm cố, vay mượn của cường hào, địa chủ đều được thiêu

huỷ công khai trước quần chúng nhân dân. Trong cải cách ruộng đất ta đã thu của địa chủ 150 mẫu ruộng, 15 ngôi nhà, 25 con trâu, bò, và nhiều nông cụ khác. Với khí thế “long trời, lở đất” đó không một tên địa chủ nào ngóc đầu dậy.

Kết quả cải cách ruộng đất ở Thanh Thủy đã quy 15 địa chủ. Trong đó có địa chủ phản động phải tử hình. Giác mơ “người cây có ruộng” từ ngàn đời nay đã được thực hiện. Trên từng cánh đồng, từng thửa ruộng những tấm thẻ chia ruộng cho nông dân được cắm lên, đánh dấu sự thắng lợi của cải cách ruộng đất. Từ đây nông dân phấn khởi, hăng say ra sức cải tạo đồng ruộng, đẩy mạnh sản xuất, từng bước ổn định cuộc sống. Cuộc đấu tranh xoá bỏ giai cấp bóc lột diễn ra khá quyết liệt; giai cấp địa chủ luôn luôn ngấm ngâm xuyên tạc chính sách, đến phân tán tài sản, đe dọa, hành hung nông dân, dùng thân quyền, giáo lý ngăn trở, phá hoại thành quả của cải cách ruộng đất. Tuy nhiên mọi âm mưu, hành động của chúng đều bị ngăn chặn kịp thời.

Cải cách ruộng đất ở Thanh Thủy cơ bản kết thúc vào tháng 10/1956. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện

cải cách ruộng đất nói chung ở Thanh Thủy nói riêng đã phạm một số sai lầm khuyết điểm như: nhận thức còn nông cạn, ấu trĩ “do đánh giá tình hình nông thôn không được toàn diện, vì thiếu điều tra, nghiên cứu một cách đầy đủ và cụ thể cho nên đã phạm một số sai lầm về quy định chính sách cũng như về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối, phương châm, chính sách cải tạo ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức” (1) tả khuynh “nhất đội, nhì giới” cố tìm quy cho đủ 5% số hộ địa chủ so với dân số ở từng làng; đấu tố tràn lan; thiếu phân biệt đối xử với những địa chủ tham gia kháng chiến giúp đỡ cách mạng; quy chụp một số cán bộ, đảng viên thành phản động, quốc dân Đảng, đặc biệt có những lúc vô hiệu hoá chức năng lãnh đạo của Chi bộ cơ sở, quy nhầm, quy sai một số thành phần gây thù oán trong các tầng lớp nhân dân ở địa phương. Nguyên nhân khi đấu tranh, tố tội cải cách không điều tra, nghiên cứu từng trường hợp cụ thể; sự kết hợp giữa đội cải cách và cấp uỷ, chính quyền địa phương chưa chặt chẽ, thống nhất.

Trước tình đó, tháng 4/1956, Bộ Chính Trị trung ương Đảng (khoá II) ra Chỉ thị sửa chữa sai lầm. Ngày

(1) Nghị quyết lần thứ 14 Trung ương Đảng lao động Việt Nam (11/1956)

18/8/1956 Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào nông thôn, người chỉ rõ: “Chúng ta phải phát huy những thắng lợi đã thu được, đồng thời chúng ta phải kiên quyết sửa chữa những sai lầm”. Tháng 9/1956, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp phân tích đánh giá thắng lợi to lớn mang tính chiến lược của cải cách ruộng đất, đồng thời chỉ ra sai lầm, khuyết điểm trong khi tổ chức thực hiện, từ đó đề ra chủ trương và các biện pháp tiếp tục hướng dẫn cơ sở sửa chữa. Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng, tháng 11/1956 xã Thanh Thủy đã tiến hành tổ chức học tập sửa sai. Với tinh thần “*có sai có sửa, không sai không sửa*”, việc sửa sai lúc đầu gặp nhiều khó khăn vì mức độ sai lầm trong cải cách ruộng đất là rất nghiêm trọng, nên khi tiến hành sửa sai, anh em cán bộ được phân công làm nhiệm vụ đã vấp phải không ít khó khăn. Những người bị quy oan thì thắc mắc chính sách đền bù tài sản không tương xứng, những người được chia “quả thực” từ tài sản của địa chủ nay những địa chủ này được hạ thành phần, họ đòi lại ruộng đất, nhà cửa... cũng sinh ra chán nản, kém tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhưng

Chi bộ đã tiến hành hết sức **thận trọng, nghiêm túc**, có tình, có lý đa số nhân dân được học tập, giác ngộ nên càng tin yêu Đảng và ủng hộ công tác sửa sai của Đảng và Chi bộ đã hoàn thành nhiệm vụ. .

Thực hiện nghị quyết 07, ngày 8/11/1957 về việc duyệt thành phần, đền bù tài sản, ruộng đất. Sau khi sửa sai, thành phần giai cấp của xã còn 6 địa chủ, một số địa chủ được hạ xuống trung nông, một số trung nông xuống bản nông, bản nông xuống cố nông, một số đảng viên bị sử oan sai được khôi phục đảng tịch, phục hồi công tác, những đồng chí bị sử oan sai được Chi bộ động viên thăm hỏi nên phần nào tránh được mặc cảm. Trong thôn xóm, không khí phấn khởi, tin tưởng vào đường lối chính sách của đảng và Nhà nước được khơi dậy Đến cuối năm 1957 công tác sửa sai trong cải cách ruộng đất ở Thanh Thủy được hoàn thành, cuộc cải cách ruộng đất mới thực sự kết thúc. Tình hình sản xuất nông nghiệp có bước chuyển biến đáng kể, nông dân đã chủ động đầu tư sản xuất, đồng ruộng được cải tạo, công tác thủy lợi từng bước đáp ứng tưới tiêu kịp thời do đó năng suất lúa ngày càng tăng, đời sống nông dân được cải thiện đáng kể.

Tuy nhiên trong quá trình sửa sai ở Thanh Liêm nói chung và Thanh Thủy nói riêng cũng còn bộc lộ một số tồn tại hạn chế. Những thắng lợi đạt được có ý nghĩa hết sức to lớn, nhân dân hăng hái bắt tay vào xây dựng kinh tế, phát triển sản xuất.

Đi đôi với nhiệm vụ sửa sai và phục hồi sản xuất, Chi bộ Thanh Thủy đã lãnh đạo nhân dân bước đầu phục hồi và phát triển sản xuất. Năm 1956 xã Thanh Thủy đã tiến hành thành lập các tổ đổi công, những tổ đổi công này là hình thức thử nghiệm để sau này có cơ sở từ thực tế xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp theo đơn vị thôn xóm. Sau khi có tổ đổi công, nhân lực trong nhân dân được sử dụng hợp lý, nên tổng diện tích gieo cấy, sản lượng và năng suất của Thanh Thủy đã tăng lên nhiều so với năm 1955 bình quân đạt 2.560 kg/ha. Năm 1957, thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng về phát động phong trào “Ba ngọn cờ hồng”, chi bộ đã chỉ đạo phải thành lập ba hợp tác xã đó là: hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng. Để chỉ đạo sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, xã đã cử 15 người đi học tập bồi dưỡng kinh nghiệm về xây dựng hợp tác xã

nông nghiệp, đây là tiền đề cho sự ra đời của hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên của xã.

Trước những sai lầm của cải cách ruộng đất – Chi bộ Đảng đã tự phê bình và phê bình trước nhân dân và có trách nhiệm cao trong sửa chữa sai lầm nên đã giữ vững được kết quả của cải cách ruộng đất ở địa phương: Đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ; vĩnh viễn xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất; thực hiện “người cây có ruộng”; giải phóng nông dân khỏi ách phong kiến, đưa nông dân lên địa vị làm chủ mảnh vườn, thửa ruộng của mình.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chi bộ Đảng Thanh Thủy đã lãnh đạo nhân dân hoàn thành công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, thực hiện giảm tô, cải cách ruộng đất,... Mặc dù trong quá trình lãnh đạo và tổ chức thực hiện cũng còn những khó khăn, vấp vấp nhưng Chi bộ Đảng và nhân dân Thanh Thủy đã đoàn kết một lòng, vượt qua khó khăn, thử thách giành được những thắng lợi đáng tự hào. Những thành quả đó là tiền đề, nguồn cổ vũ để nhân dân Thanh Thủy bước vào thời kỳ cách mạng mới- thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hoá.

II- Chi bộ lãnh đạo nhân dân cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế-văn hoá (1958-1960)

Với thắng lợi của cuộc cải cách ruộng đất, đã xoá bỏ vĩnh viễn quan hệ sản xuất phong kiến bóc lột. Tuy nhiên nền kinh tế-xã hội của xã còn nhiều khó khăn, sản xuất nông nghiệp chủ yếu vẫn là tiểu nông, tự túc, tự cấp, nông cụ còn lạc hậu, thô sơ, ngành nghề phụ còn nhiều khó khăn,... Thời kỳ 1958-1960 là thời kỳ thực hiện kế hoạch Nhà nước ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa bước đầu phát triển kinh tế-văn hoá.

Tháng 11/1958 trung ương Đảng đã ra nghị quyết số 14 chỉ rõ “nhiệm vụ cơ bản của chúng ta ở miền Bắc là đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nhân dân, thợ thủ công và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh”. Chấp hành Nghị quyết của Đảng, Đảng bộ huyện Thanh Liêm đã xác định nhiệm vụ trọng tâm trong 3 năm là đẩy mạnh hợp tác hoá nông nghiệp, đồng thời cải tạo thợ thủ công và thương nhân để xây dựng quan hệ sản xuất mới – quan hệ sản xuất xã hội – xã hội chủ nghĩa.

Để từng bước đưa nông dân vào làm ăn tập thể Đảng bộ huyện đã chỉ đạo cơ sở tổ chức tổ đổi công từ hình thức đổi công vụ việc đến đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện uỷ, Chi bộ Đảng đã lãnh đạo, tổ chức cho nông dân bước vào con đường làm ăn tập thể. Trước hết chính quyền và các đoàn thể quần chúng mở một chiến dịch tuyên truyền sâu rộng trên địa bàn xã về lợi ích của tổ đổi công bằng nhiều hình thức như: loa truyền thanh, các khẩu hiệu được trưng ở nhiều nơi,... Đến giữa năm 1958 toàn xã đã xây dựng được 15 tổ đổi công, đạt 100% số hộ nông dân vào tổ đổi công. Đây là bước tập dượt không chỉ để nông dân làm quen dần từ làm ăn cá thể tiến tới làm ăn tập thể mà còn chuẩn bị cho hợp tác hoá nông nghiệp. Phong trào đổi công được tổ chức từ kế hoạch 3 năm trước, song do có thời kỳ tạm lắng xuống trong thời kỳ cải cách và sửa sai.

Để rút kinh nghiệm và bổ khuyết cho phong trào, Ban chấp hành Đảng bộ huyện họp từ chiều 5-7/5/1958 để kiểm điểm những công tác chính trị, trong đó có công tác xây dựng tổ đổi công.

Hội nghị đã quyết định 3 nhiệm vụ về công tác này:

1. Phát động đợt tuyên truyền cho thật rầm rộ
2. Tổ chức một cuộc đại hội liên hoan tổ đổi công.
3. Tranh thủ thời gian mở lớp huấn luyện cho cốt cán trước thu chiêm, làm mùa.

Cũng trong hội nghị Huyện uỷ (5/1958) quyết định vừa phát triển đổi công, vừa làm thí điểm hợp tác xã nông nghiệp. Ban chấp hành Đảng bộ huyện quyết định làm thí điểm ở 2 hợp tác xã đó là Đồng Phú (Thanh Hương) và hợp tác xã Bào Cừu (Thanh Châu), ở xã ta đồng chí, Nguyễn Văn Tín được cử đến học tập kinh nghiệm tại hợp tác xã Đồng Phú xã Thanh Hương.

Qua việc học tập kinh nghiệm tại xã bạn, ban chi uỷ bàn bạc, lập kế hoạch xây dựng hợp tác xã nông nghiệp với quy mô theo từng thôn xóm, Chi bộ đã chỉ đạo cho cán bộ, đảng viên, đoàn thể quần chúng học tập chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, học tập điều lệ hợp tác xã nông nghiệp kết hợp với tuyên truyền qua các lớp bình dân học vụ, các buổi tối gọi loa... để nhân dân thấy rõ lợi ích của con đường vào hợp tác xã, câu

nói “*Cầm vàng còn sợ vàng rơi, Vào hợp tác xã đời đời ấm no*” được tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân.

Để các hộ nông dân tự nguyện viết đơn đóng góp trâu bò, giống, vốn vào hợp tác xã Chi bộ đã tập trung chỉ đạo làm điểm tại thôn Phương Tường. Tháng 8/1958 hợp tác xã nông nghiệp Phương Tường, đầu tiên của xã ra đời gồm 37 hộ đạt 91% do đồng chí Nguyễn Văn Tín làm chủ nhiệm. Do sự chỉ đạo chặt chẽ, thận trọng của Chi bộ cùng với sự tuyên truyền, vận động tích cực, sâu rộng của chính quyền và các đoàn thể quần chúng nên đã huy động được nông dân nhanh chóng vào hợp tác xã. Tuy nhiên trong việc lựa chọn giữa 2 con đường làm ăn cá thể và tập thể diễn ra khá quyết liệt. Đa số nhân dân có nhận thức, tự nguyện viết đơn xin vào hợp tác xã, còn một số hộ lừng chừng... khắc phục tình trạng đó, Chi bộ đã tập trung giáo dục chính trị, tư tưởng cho nông dân, đồng thời phát động quần chúng tranh luận “ai hơn ai” giữa hai con đường làm ăn cá thể và làm ăn tập thể để người nông dân tự suy nghĩ ngay trên từng luống cây, thửa ruộng của mình mà tự giác lựa chọn, từ đó khắc phục được tình trạng “chân trong chân ngoài”

luyện tiếc con đường làm ăn riêng lẻ; tình trạng xin ra hợp tác xã đã giảm đáng kể. Đến năm 1959 đồng loạt các hợp tác xã nông nghiệp trong xã đã ra đời. Năm 1959-1960 toàn xã có 9 hợp tác xã: hợp tác xã Đồng Tiến, Kiên Tâm, Tiến Hưng, Đò, Ô Cách, Đình Hậu, Bền, Phương Tường, Thượng với 1065 mẫu ruộng, 115 con trâu, bò, 115 nông cụ... 99% số hộ xã viên vào hợp tác xã. Đến cuối năm 1960 toàn xã có 10 hợp tác xã, gồm: hợp tác xã Đồng Tiến, Bền, Đò, Ô Cách, Đình Hậu, Phương Tường, Chèm, Tiến Hưng, Kiên Tâm và Thượng với 99,6% số hộ vào hợp tác xã nông nghiệp nông dân đã tự nguyện đóng góp hàng trăm mẫu ruộng, trâu bò và hàng ngàn nông cụ, ... vào hợp tác xã.

Kết quả bước đầu của con đường làm ăn tập thể đã có hiệu quả, công việc sản xuất nông nghiệp chủ động hơn, việc cấy, cấy được tiến hành nhanh, gọn, kịp thời vụ nên năng suất lúa tăng từ 30-50 kg/sào, ăn chia theo công điểm, định suất một lao động, so với tổ đổi công thì hợp tác xã làm ăn có hiệu quả hơn, bà con nông dân rất phấn khởi, về cơ bản cuối năm 1960 Thanh Thủy đã hoàn thành hợp tác xã hoá.

Song song với hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và tín dụng cũng được xây dựng và từng bước phát triển. Tháng 8/1958 hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng ra đời. Hợp tác xã mua bán do ông Nguyễn Văn Núi làm chủ nhiệm, hợp tác xã tín dụng do ông Vũ Văn Dõi làm chủ nhiệm. Hợp tác xã mua bán mỗi một sổ góp cổ phần 25 đồng, đến đầu năm 1959 mỗi sổ đóng góp cổ phần thêm 25 đồng đưa tổng cổ phần 1 sổ lên đến 50 đồng, số hộ vào hợp tác xã mua bán đạt 85% tổng số hộ. Hợp tác xã mua bán đã xây dựng phương án hoạt động để tổ chức thu mua nông sản của hợp tác xã nông nghiệp như: lợn, gà, trứng, cá, rau xanh, ... bán cho nhân dân.

Hợp tác xã tín dụng lúc đầu mỗi hộ đóng góp 25 đồng, toàn xã đã thu hút 81% số hộ tham gia, bước đầu vận động gửi tiền tiết kiệm, đồng thời tiếp vốn của ngân hàng về cho hộ xã viên và tập thể vay để phát triển sản xuất.

Trong cuộc vận động thực hiện phong trào “Ba ngọn cờ hồng” mặc dù đã đạt được những kết quả bước đầu đáng phấn khởi, nhưng cũng còn những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Hầu hết cán bộ

đảng viên trong tổ chức này đã gương mẫu và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, nhưng cũng còn một số đảng viên và một số gia đình người thân chưa vào hợp tác xã, trước tình hình đó Chi bộ đã tập trung tuyên truyền, giáo dục nên xã viên vào các hợp tác xã ngày càng đông.

Thanh Thủy vốn là vùng quê đồng chiêm trũng, chạy dọc theo dòng sông Đáy, chia thành hai miền Đông Đáy và Tây Đáy nên hàng năm chỉ cấy được vụ chiêm là chính khoảng 1.200 mẫu còn vụ mùa chỉ cấy vớt vát hoặc mất mùa liên tục thường thì “chiêm khê mùa thối”, thiên tai, mưa lũ xảy ra thường xuyên, hệ thống đê điều, thủy lợi còn yếu kém nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, đi lại, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Hệ thống giao thông, đường xá vẫn chỉ là những con đường mòn mưa lũ xảy ra thường xuyên, người dân thường thì “*6 tháng đi chân, 6 tháng đi tay*” vào mùa nước tháng 8 các làng xóm hầu như mênh mông trong biển nước như những hòn đảo nhỏ, phương tiện đi lại của nhân dân chủ yếu bằng thuyền nan; nhân dân hai miền Đông Đáy và Tây Đáy đi lại rất khó khăn, thậm chí vào mùa nước lớn việc giao lưu đi lại giữa hai miền không đi lại được.

Song song với phong trào xây dựng tổ đổi công và sản xuất nông nghiệp, Chi bộ đã tập trung chỉ đạo, phát động phong trào làm thủy lợi, giao thông nông thôn, đã đào đắp hàng nghìn m³ đất, khoanh vùng đắp đường làng, ngõ xóm, đường liên thôn để phục vụ đi lại, sản xuất của nhân dân. Tháng 8/1959 huyện cử đồng chí Phạm Thanh Hùng cán bộ canh tịch của huyện về làm quy hoạch của xã. Tháng 2/1960 xã đã tổ chức ra quân làm thủy lợi; đã huy động từ 500 đến 1000 người làm thủy lợi, khai mương tiêu ra Thanh Phong được 24.000m³; mương Nhất đổi xuống Thanh Tân 25.000m³. Thanh Thủy đứng đầu huyện về phong trào làm thủy lợi được đi báo cáo điển hình ở tỉnh và được tỉnh tặng bằng khen về thành tích làm thủy lợi.

Song song với nhiệm vụ phát triển sản xuất, Chi bộ Thanh Thủy còn chú ý chăm lo đến đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân lao động.

Thi hành Chỉ thị 74-CTNTW của Ban Bí thư trung ương Đảng về việc tăng cường công tác bổ túc văn hoá và để hoàn thành việc thanh toán nạn mù chữ, Chi bộ đã thành lập Ban thanh toán nạn mù chữ của xã do ông Vũ

Như Kính làm trưởng ban. Sau khi ban thành toán nạn mù chữ được thành lập, công tác bình dân học vụ và công cuộc thanh toán nạn mù chữ của Thanh Thủy được đẩy mạnh lên một bước và giành được nhiều thành tích đáng kể, tạo nên bầu không khí thi đua học tập giữa các làng trong xã, toàn xã đã huy động từ 300 – 400 học viên ở nhiều lứa tuổi có những học viên 45 tuổi cũng tham gia học tập. Lúc này, phong trào bỏ túc văn hoá đã được mở thành trường lớp, do đó phong trào bỏ túc văn hoá của xã Thanh Thủy là đơn vị tiến tiến của huyện, ông Vũ Như Kính năm năm liền được bầu là chiến sỹ thi đua. Trong sự nghiệp giáo dục phổ thông, giai đoạn 1956-1960 có 8 đến 10 lớp cấp I khoảng 300 đến 400 học sinh toàn xã có khoảng 20 học sinh theo học cấp II ở các trường ngoài xã.

Hoạt động văn hoá - văn nghệ, thông tin- cổ động thời kỳ này rất sôi động. Hầu hết các thôn trong xã đều có đội văn nghệ. Xã có 1 đội văn nghệ gồm 16 người do ông Nguyễn Văn Hàm làm đội trưởng. Đội văn nghệ đã phục vụ rất nhiệt tình trong những dịp lễ, tết, hội họp hoặc trong những cuộc vận động lớn của Đảng. Đội văn

nghệ ở các thôn đã diễn nhiều vở chèo, kịch, cải lương để phục vụ nhân dân, đồng thời giao lưu giữa các làng trong xã; các tệ nạn mê tín, dị đoan, đông bóng, bói toán, gọi dí, phục hồn, trừ tà, bắt ma, chữa bệnh bằng tàn hương, nước lã... đã được cấp uỷ giáo dục, ngăn chặn kịp thời.

Song song với việc bài trừ các hủ tục, Chi bộ còn vận động quần chúng nhân dân xây dựng nếp sống mới ở nông thôn, trước hết là việc cưới, việc tang, nhiều lễ tang được tổ chức trang nghiêm, tiết kiệm, các đám cưới được tổ chức theo đời sống mới không dựng rạp, chề chén, cỗ bàn tốn kém. Các tường xây bên ngõ xóm đều được sử dụng kẻ khẩu hiệu tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng. Hàng tối, tổ thông tin tuyên truyền và các em thiếu niên duy trì tốt việc phát thanh, cổ động hô khẩu hiệu trong các ngõ xóm nhằm phổ biến, tuyên truyền các chủ trương xây dựng tổ đổi công, hợp tác xã nông nghiệp, luật nghĩa vụ quân sự, trước các cuộc bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp,...

Phong trào rèn luyện sức khoẻ, vệ sinh phòng bệnh cũng được nhân dân trong xã hưởng ứng và tích cực tham gia. Đường làng ngõ xóm hàng tháng, hàng tuần

được đoàn thanh niên các thôn quét dọn sạch sẽ, đặc biệt chú trọng trong xây dựng 3 công trình vệ sinh “nhà tắm, giếng nước, hố xí 2 ngăn” được phát động rộng rãi. toàn xã có 360 hộ bằng 30% số hộ có hố xí 2 ngăn. 750 giếng khơi và bể nước bằng 60%, 360 hộ có chuồng lợn 2 bậc bằng 30% số hộ.

Để chăm lo sức khỏe cho nhân dân tháng 02/1960 trạm y tế xã được thành lập địa điểm ở trung tâm xã gồm 5 nhân viên. Tuy mới được thành lập nhưng trạm y tế xã đã có nhiều hoạt động phối hợp với cán bộ y tế của huyện tiến hành tiêm phòng tiêm chủng đậu, tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh, ăn chín, uống sôi, diệt ruồi, diệt muỗi, chuột... nên trên địa bàn xã không xảy ra dịch bệnh lớn do mất vệ sinh, sức khỏe của nhân dân được đảm bảo hơn trước, hiện tượng tử vong của trẻ sơ sinh giảm rõ rệt.

Tháng 11/1958, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 119 về công tác quân sự địa phương, nhằm chỉ đạo các cấp bộ Đảng, Chính quyền và các đoàn thể đẩy mạnh giáo dục ý thức quốc phòng cho nhân dân, củng cố và phát triển lực lượng dân quân tự vệ trong qua trình phát triển và cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy, Chi bộ Thanh Thủy đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị nhằm quán triệt tinh thần chỉ thị tới từng cán bộ, đảng viên, đồng thời mở các cuộc vận động, tuyên truyền giáo dục trong nhân dân và dân quân tự vệ về tình hình, nhiệm vụ cách mạng, phát động toàn dân tích cực tham gia dân quân tự vệ.

Phong trào luyện tập dân quân vẫn được duy trì thường xuyên, hàng năm đều tổ chức luyện tập quân sự, chính trị, giáo dục tinh thần yêu nước, nêu cao cảnh giác sẵn sàng phục vụ chiến đấu do đó, trật tự an ninh trên địa bàn được giữ vững. Năm 1959, luật nghĩa vụ quân sự được ban hành thay thế cho chế độ tình nguyện tòng quân. Đảng ủy đã quán triệt sâu sắc luật nghĩa vụ quân sự: Nghị quyết 12 của Trung ương Đảng về xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng và Chỉ thị 119 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác quân sự đến thanh niên, du kích và nhân dân trong xã. Sau khi được học tập luật nghĩa vụ quân sự, nhiều thanh niên trai tráng của xã đã hăng hái đi khám sức khỏe để tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1959, năm đầu